

HỒ SƠ NĂNG LỰC

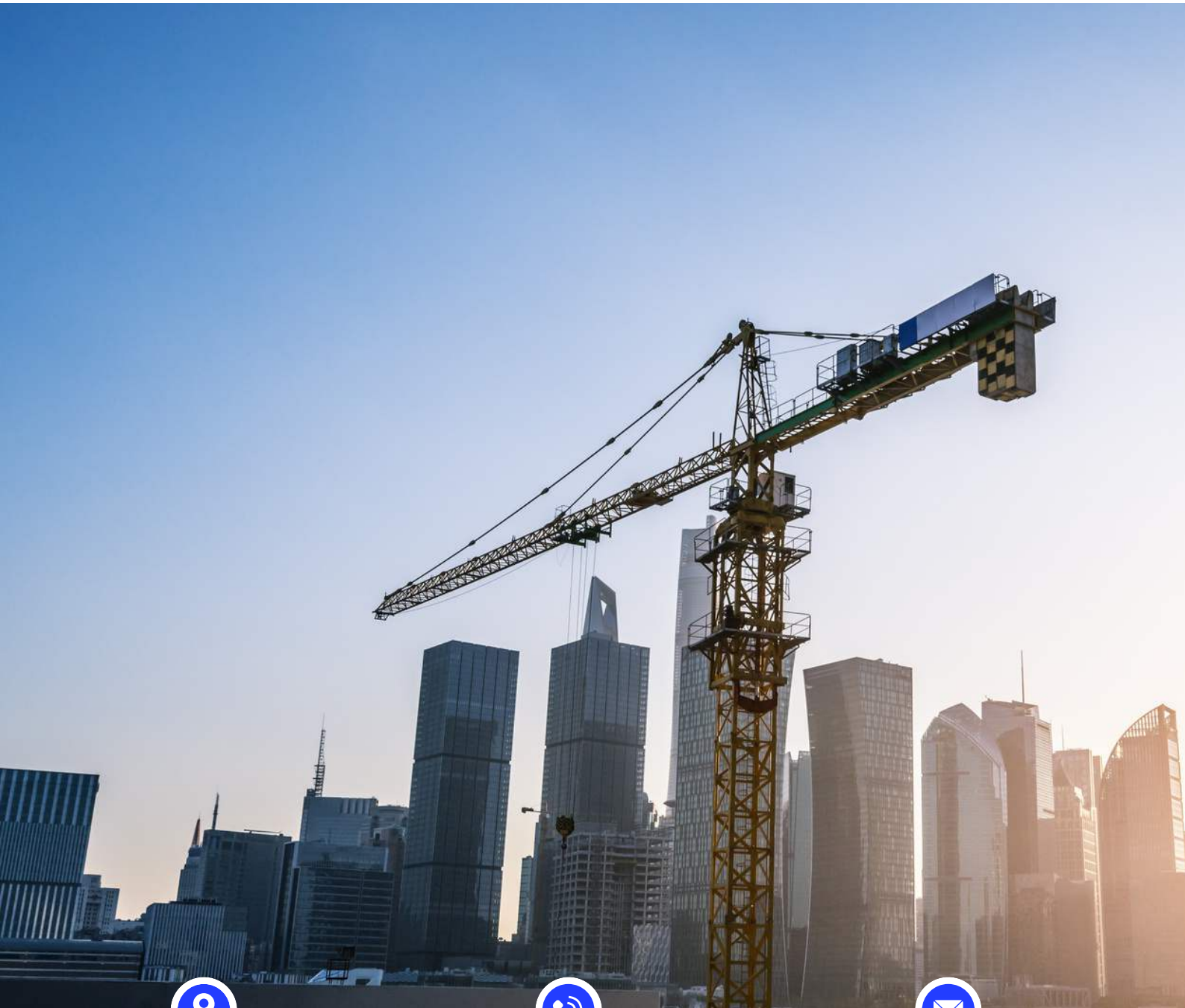
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

2026





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG



29 Đường số 2, Khu TĐC Phú Hòa
11, P. Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh

0918 556 729 | 0913 811 864 kiemdinhxaydungbinhduong@gmail.com

Cam kết của chúng tôi:

“An toàn, chất lượng, tiến bộ, mang niềm tin đến khách hàng”

MỤC LỤC

01 THƯ NGỎ

02 THÔNG TIN CÔNG TY

03 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

04 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

05 TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

06 CHỨNG CHỈ & PHÒNG LAS-XD 1217

07 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

08 CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN

09 QUY TRÌNH KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

10 DỰ ÁN TIÊU BIỂU & ĐÃ THỰC HIỆN

Thư ngỏ

Kính gửi Quý khách hàng và Quý đối tác,

Trước hết, Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương xin gửi đến Quý Khách hàng và Quý Đối tác lời chào trân trọng, cùng lời chúc sức khỏe, thành công và thịnh vượng.

Chúng tôi là **đơn vị chuyên sâu trong lĩnh vực khảo sát địa chất công trình**, với đội ngũ kỹ sư địa kỹ thuật giàu kinh nghiệm và **phòng thí nghiệm riêng đạt chuẩn**, được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại phục vụ công tác khoan, lấy mẫu, thí nghiệm cơ lý đất đá và phân tích nền móng công trình.

Trong suốt quá trình hoạt động, chúng tôi đã đồng hành cùng nhiều **chủ đầu tư, đơn vị thiết kế và nhà thầu tại Bình Dương** và các tỉnh lân cận, thực hiện hàng trăm dự án khảo sát địa chất cho công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật – góp phần đảm bảo an toàn, bền vững cho từng công trình.

Với phương châm **“Chính xác – Trách nhiệm – Hiệu quả”**, chúng tôi cam kết mang đến **kết quả khảo sát trung thực, đúng quy chuẩn kỹ thuật**, đáp ứng yêu cầu khắt khe của chủ đầu tư, đơn vị thiết kế và cơ quan quản lý nhà nước.

Chúng tôi tin rằng, sự **chính xác trong từng mét đất được khoan** chính là nền tảng vững chắc cho **thành công của mọi công trình**.

Trân trọng,

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**



Cơ quan: CÔNG
TY TNHH TƯ
VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG
Thời gian ký:
04.06.2026
16:20:03 +07:00



CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên công ty	: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ	: Số 29 Đ. số 2, Khu TĐC Phú Hòa 11, P. Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 0918 556 729 - 0913 811 864
Email	: kiemdinhxaydungbinhduong@gmail.com
Mã số thuế	: 3702524948
Vốn điều lệ	: 1.000.000.000 (1 tỷ đồng)
Người đại diện	: Ông Trần Quang Trung
Chức vụ	: Giám đốc

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- **Khoan khảo sát địa chất công trình** phục vụ thiết kế nền móng, xử lý nền yếu, đánh giá điều kiện địa chất công trình.
- **Lấy mẫu và thí nghiệm cơ lý đất, đá, nước ngầm** tại **phòng thí nghiệm đạt chuẩn**, đảm bảo kết quả chính xác và đáng tin cậy.
- **Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), xuyên tĩnh (CPT)** và các phương pháp kiểm tra sức chịu tải nền móng.
- **Lập báo cáo khảo sát địa chất công trình**, phân tích chỉ tiêu và đề xuất giải pháp thiết kế nền móng phù hợp.
- **Tư vấn kỹ thuật địa chất – địa kỹ thuật** trong giai đoạn thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình.

TIÊU CHÍ HOẠT ĐỘNG

Với tinh thần **“Thấu hiểu lòng đất – Chinh phục đỉnh cao”**, Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng ngày càng cao, đảm bảo tiến độ, an toàn và hiệu quả. Đây không chỉ là mục tiêu phấn đấu mà còn là cam kết và danh dự của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương được thành lập năm **2016**, chuyên sâu trong **khảo sát địa chất công trình xây dựng**.

Với đội ngũ kỹ sư địa kỹ thuật giàu kinh nghiệm và **phòng thí nghiệm được công nhận LAS-XD 1217**, Công ty đã thực hiện hàng trăm dự án khảo sát địa chất tại **Bình Dương** và khu vực Đông Nam Bộ.

Chúng tôi không ngừng đổi mới công nghệ, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn **TCVN, ASTM**, cam kết mang đến **kết quả chính xác – tiến độ nhanh – chất lượng vượt trội**, góp phần tạo **nền móng vững chắc** cho mọi công trình.

"Khảo sát chính xác – Vững nền công trình"

TẦM NHÌN

Với khát vọng phát triển bền vững và vươn tầm quốc gia, **Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương** hướng đến trở thành **đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực khảo sát địa chất – địa kỹ thuật và thí nghiệm vật liệu xây dựng** tại Việt Nam, mang đến giải pháp nền móng tin cậy và hiệu quả cho mọi công trình.

SỨ MỆNH

Với phương châm **“Chính xác – Nhanh chóng – Trung lập”**, chúng tôi cam kết cung cấp **dịch vụ khảo sát và thí nghiệm đạt chuẩn kỹ thuật**, giúp khách hàng:

- Đánh giá chính xác đặc trưng địa chất và điều kiện nền móng;
- Lựa chọn giải pháp thiết kế và thi công tối ưu, an toàn;
- Kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Sứ mệnh của chúng tôi là đồng hành cùng chủ đầu tư, nhà thầu và đơn vị thiết kế, mang lại sự **an tâm và giá trị bền vững** cho từng công trình.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1

Hợp tác để phát triển – Phát triển để thành công

Luôn coi trọng tinh thần hợp tác cả trong nội bộ lẫn với đối tác bên ngoài, dựa trên sự chân thành, thiện chí và hiệu quả. Mục tiêu là tạo nên giá trị bền vững và lợi ích hài hòa cho tất cả các bên liên quan.

2

Giữ chữ Tín như danh dự

Xem chữ Tín là nền tảng của uy tín và thương hiệu; chuẩn bị đầy đủ năng lực và nỗ lực hết mình để thực hiện đúng mọi cam kết, với phương châm *“Lời nói đi đôi với việc làm”*.

3

Đổi mới và cải tiến không ngừng

Trân trọng mọi sáng kiến, thúc đẩy nghiên cứu và cải tiến sản phẩm – dịch vụ, nhằm mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng và đóng góp vào thành công chung.

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

**SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3702524948

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 12 năm 2016
Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 12 tháng 03 năm 2025

1. Tên công ty
 Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
 Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
 Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
 Số 29, đường số 2, khu tái định cư Phú Hòa 11, khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
 Điện thoại: 0274 730 0009 Fax:
 Email: kiemdinhxaydungbinhduong@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.
 Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu
 Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG THƯƠNG Giới tính: Nữ
 Sinh ngày: 15/08/2000 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051300007349
 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Địa chỉ thường trú: Đội 1, An Chỉ, Xã Hành Phước, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
 Địa chỉ liên lạc: Đội 1, An Chỉ, Xã Hành Phước, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

* Họ và tên: **TRẦN QUANG TRUNG** Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **22/01/1996** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **068096008918**

Ngày cấp: **11/07/2022** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn 2, Xã Đại Lào, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn 2, Xã Đại Lào, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Phan Thị Ngọc Hiền



CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
Số: BXD-00015878	
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 641/QĐ-CPN-DN ngày 31/12/2020)	
Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 3702524948	
Ngày cấp: 23/12/2016.	
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.	
Tên người đại diện theo pháp luật:	
Ông: Đặng Văn Tiên	Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1064, Đại lộ Bình Dương, Phường Định Hòa,	
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	
Số điện thoại: 0918 371 771	Số fax:
E-mail: vantientoday@gmail.com	Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:	
- Khảo sát xây dựng (địa hình, địa chất công trình): Hạng I	
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 31/12/2030.	
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020	
KT. CỤC TRƯỞNG PHÓ CỤC TRƯỞNG	
	
Ngô Hoàng Nguyễn	

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------------------------	---

**CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: BDG-00015878

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1337/QĐ-SXD ngày 15/4/2020)

Tên tổ chức: Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3702524948
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/bà: **Đặng Văn Tiên**- Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1064 Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Số điện thoại: 0918.371771
Số fax:
Email: vantientoday@gmail.com
Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:
Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình
Dân dụng và Công nghiệp (Kiến trúc; kết cấu; điện; cấp, thoát nước) - **Hạng III**
Giao thông (Cầu, đường bộ) - **Hạng III**
Hạ tầng kỹ thuật (Cấp, thoát nước, công viên cây xanh, hệ thống chiếu sáng, thông tin liên lạc) - **Hạng III**
Nông nghiệp và phát triển nông thôn - **Hạng III**

Chứng chỉ này có giá trị đến ngày 14/4/2030

Bình Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2020

GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Võ Hoàng Ngân

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
---	--

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: HCM-00015878
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2592/QĐ-SXD-QLNGDXD ngày 28/11/2023)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3702524948
Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 23/12/2016;
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: **Đặng Văn Tiên** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1064, đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa,
thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Số điện thoại: 0918371771 Số fax:
Email: vantientoday@gmail.com Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng: Hạng III
(không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện);
2. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp -
hạ tầng kỹ thuật, giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và
phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều): Hạng III;
3. Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp: Hạng III;
4. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp, phục vụ nông nghiệp và
phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều): Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 28/11/2033/.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2023

TU. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

SỞ
XÂY DỰNG

Nguyễn Thanh Xuyên

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

---000---

Số: 01/CBNL-XDBD

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số:.....

Ngày: 18-05-2026

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2026

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Nghị định 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về quy định điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;
- Thực hiện công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương đăng ký công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đến Sở xây dựng với các nội dung thông tin công bố công khai như sau:

I. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702524948, cấp lần 5 ngày 12/03/2025 do Sở tài chính tỉnh Bình Dương phòng đăng ký kinh doanh cấp.
- Địa chỉ: Số 29, Đường số 2, Khu tái định cư Phú Hòa 11, Khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật: Trần Quang Trung Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại liên hệ cố định: (0274) 7300009.
- Email: kiemdinhxaydungbinhduong@gmail.com
- Trang thông tin: <https://kiemdinhxaydungbinhduong.com>

2. Thông tin phòng thí nghiệm và trạm thí nghiệm hiện trường:

2.1. Phòng thí nghiệm:

- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm địa chất và kiểm định chất lượng công trình.

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

- Địa chỉ: Số 29, Đường số 2, Khu tái định cư Phú Hòa 11, Khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Trưởng phòng: Lê Ngọc Thảo
- Điện thoại liên hệ cố định: (0274) 7300009

2.2. Trạm thí nghiệm hiện trường: **Không**

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký công bố đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm:

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
1	THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023 ASTM C184, C204 AASHTO T128, T153	Sàng (15cm -20cm), cân (chính xác 0,01g), bình tỷ trọng
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109 AASHTO T106 BS EN 196-1 BS 4550; JIS R5201	Khuôn đúc mẫu (4x4x16cm), máy nén và uốn mẫu (10kN), bộ gá định vị, đồng hồ (chính xác đến 1s) ... Máy nén, uốn TYA .
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 AASHTO T129	Cân kỹ thuật (chính xác 1g), ống đong có vạch chia (chính xác 1ml), đồng hồ bấm giây (chính xác đến 1s), thước (chính xác 0,5mm), bộ dụng cụ Vicat , khay ngâm mẫu, tủ dưỡng hộ, dụng cụ Le Chatelier, thùng lọc mẫu
4.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2023 AASHTO T105	Tủ sấy, lò nung, máy đo đa chỉ tiêu HI83300-02 ACD, máy đo hàm lượng COD HI97106, máy đo hàm lượng tạp chất HI98319, Cân kỹ thuật điện tử, Hóa chất chuyên dụng, Bình tam giá, phễu lọc, bình định mức, Buret, dung tích 10 ml, độ chính xác 0,02 ml, Pipet, dung tích 5 ml, 10 ml, độ chính xác 0,02 ml
5.	Xác định hàm lượng cặn không tan, hàm lượng anhydric sunfuric (SO ₃)	TCVN 141:2023	Cân phân tích, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, phễu lọc, bình định mức, chén nung
2	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
6.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C138	Côn thử độ sụt (dày 1.5mm), thước đo (30cm, 60cm, độ chia 1mm), đồng hồ đo (đọc được từ giá trị 1s), thanh đầm (60cm, d=16mm), tấm nền (> 700mm)
7.	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022 ASTM C1770	Thiết bị Vebe, bàn rung, thanh đầm, đồng hồ đo thời gian
8.	Xác định khối lượng thể tích hỗn bê tông	TCVN 3108:2022 ASTM C138	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			kỹ thuật độ chính xác 1g, dao thép gạt mẫu, búa cao su,...
9.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022 ASTM C232	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, sàng 5mm, thước lá kim loại, dao gạt mẫu, ống đong 500ml, pipet 5ml, tủ sấy 3000c (± 1 oC)
10.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, sàng tiêu chuẩn 5mm, 1.25mm, 0.15mm, tủ sấy 3000c (± 10 C), bay, xẻng xúc mẫu,...
11.	Xác định hàm lượng bột khí trong bê tông	TCVN 3111:2022 ASTM C173, C231	Bình thử bọt khí, bình chứa, cụm nắp, ống hiệu chuẩn, lò xo, ống phun, que đâm, búa, ống đong nước, bàn rung, sàng
12.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022 ASTM C642	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 3000c (± 1 oC), sàng (5,1.25,0.125)mm, nước cất, bình hút ẩm.
13.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022 ASTM C642	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, tủ sấy 3000c (± 1 oC), khăn lau, bàn chải, đá mài.
14.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	
15.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 AASHTO T121	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thước đo, tủ sấy 3000c (± 1 oC), bình hút ẩm, túi cách hơi hoặc thùng kín.
16.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm HS -40 đồng hồ áp (0-4MPa), bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.
17.	Thử độ co	TCVN 3117:2022	Cân kỹ thuật, khung đo, nhiệt kế
18.	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải
19.	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén TYA -2000Kn (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa
20.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022	Máy nén, gối truyền tải, tấm đệm (chiều rộng bằng (15 ± 2) mm và chiều dày bằng (4 ± 1) mm)
21.	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	Máy khoan, máy cắt lấy mẫu bê tông, đồng hồ đo pH, cân phân

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			tích, cân kỹ thuật, sàng, máy nghiền, ống đong, bình định mức, nhiệt kế
22.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022 ASTM C469	Máy nén TYA-2000kN (d=0,1kN), đế từ đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 50mm, thước lá kim loại 500mm/ 1mm
23.	Xác định hàm lượng sunfate	TCVN 9336:2012	Khoan lõi bê tông, máy nghiền mẫu, rây thí nghiệm, cân kỹ thuật chính xác 0.01g, tủ sấy, bình tam giác, cốc thủy tinh, giấy lọc, dung dịch chuẩn BaCl ₂ .
24.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012;	Sàng tiêu chuẩn: loại có mắt tròn đường kính 5 mm, Nhiệt kế: có dải đo từ 0°C tới 50°C với độ chính xác tới 0,5°C, Pipet, khuôn chứa mẫu thử, que chọc
25.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén TYA-2000kN (d=0,1kN), đế từ đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 50mm, thước lá kim loại 500mm/ 1mm
26.	Xác định độ chảy của hỗn hợp bê tông	ASTM C1064-17 AASHTO T309	Côn thử độ sụt, thước dây, thước ls, thanh dầm, đồng hồ bấm giây
27.	Xác định độ chảy lan của bê tông tự chèn	ASTM C1611-14	Côn thử độ sụt, Thước dây hoặc thước lá: Độ chính xác 1mm, Đồng hồ bấm giây
28.	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	ASTM C42/C42M	Máy khoan rút lõi, Máy dò cốt thép, Máy cắt bê tông
3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
29.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136 AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn (2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng 140 mm; 315 mm; 630 mm và 1,25 mm), máy lắc sàn, cân kỹ thuật (chính xác 1%), , tủ sấy (105°C -110°C)
30.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ASTM C128 ASTM C127	Cân kỹ thuật (chính xác 0.1%), tủ sấy (105°C -110°C), bình dung tích bằng thủy tinh (1,05l – 1,5l), thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa (không hút nước), phễu chứa, que chọc, sàng
31.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của gốc đá và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127;	Cân kỹ thuật (c.xác 1%), cân thủy tinh (c.xác 1%), tủ sấy (chính từ 105°C -110°C), thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa, thước kẹp, bàn chải sắt.
32.	Xác định khối lượng riêng thể tích và độ xốp, độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29	Thùng đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít và 20 lít, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			kim loại, thanh gỗ, cân kỹ thuật (chính xác 1%), Bình tỷ trọng
33.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006 AASHTO T142	Hộp nhôm hay khay nhôm, cân kỹ thuật chính xác 1%, tủ sấy (chỉnh từ 105°C -110°C), dụng cụ đảo mẫu (dao, thìa).
34.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 AASHTO T112	Cân kỹ thuật chính xác 1% và 1%, tủ sấy (chỉnh từ 105oC - 110oC), thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que hoặc kim sắt nhỏ, Bộ rây sàng tiêu chuẩn. Tủ sấy.
35.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21	Ống dung tích hình trụ (250ml, 100ml), cân kỹ thuật (chính xác 0.1%), bếp cách thủy, sàng (lỗ 20mm), thang màu, thuốc thử (NaOH dung dịch 3 %; tanaanh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1), Cân kỹ thuật điện tử. Tủ sấy
36.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của gốc đá	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938	Máy nén thủy lực, Máy khoan và máy cưa đá, Máy mài nước, Thước kẹp, Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu
37.	Xác định độ nén đập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 BS 812-112	Máy kiểm tra mài mòn Los Angeles ,Máy nén thủy lực (lực nén đạt 500kN), xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật (chính xác 1%), bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy (chỉnh từ 105°C -110°C), thùng ngâm mẫu.
38.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131; C535, AASHTO T96	Máy Los Angeles, bi thép (390g – 445g), cân kỹ thuật (chính xác 1%), tủ sấy (chỉnh từ 105°C - 110°C), bộ sàng kích thước 37.5mm, 25mm, 19mm, 12,5mm..
39.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791	Cân kỹ thuật (chính xác 1%), thước kẹp cài tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy (chỉnh từ 105°C - 110°C)
40.	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006 ASSHTO T96 ASTM C131, C353	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,01 g, Cân phân tích có độ chính xác đến 0,0002 g, Tủ sấy có quạt gió và bộ phận tự ngắt nhiệt độ đến 200 °C, Lò nung có bộ phận tự ngắt nhiệt độ đến 1 100 °C, Búa, cối chày bằng đồng hoặc bằng gang để đập và nghiền cốt liệu, Sàng tiêu chuẩn có kích

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD - 1217

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			thước mắt sàng 5 mm; 315 mm; 140 mm hoặc các sàng có kích thước mắt sàng 4,75 mm; 300 mm và 150 mm
41.	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,01 g, Cân phân tích có độ chính xác tới 0,0001 g, Tủ sấy có bộ phận điều khiển nhiệt độ, Dụng cụ thủy tinh các loại để phá mẫu và chuẩn độ, Sàng cỡ 140 mm hoặc 150 mm
42.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006 BS 812-118	cân kỹ thuật, chính xác đến 0,01g, cân phân tích, chính xác đến 0,0001 g, sàng 5mm và 900 lỗ/cm ² cốc nung (dung tích 500 ml), máy khuấy, máy lắc, bình hút ẩm, tủ sấy
43.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006;	Máy kiểm tra mài mòn Los Angeles, Cân kỹ thuật (chính xác 0.01g), tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, kim sắt và nhôm, búa con, bộ sàng
44.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 BS 812-110	Máy kiểm tra mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật chính xác đến 0,1%, kính lúp
45.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích (chính xác đến 0,001 g), tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ, bộ sàng tiêu chuẩn: kích thước 5 mm; 2,5 mm; 1,25 mm; 630 mm; 315 mm; 140 mm, giấy nhám (khô giấy 330 mm x 210 mm), đĩa thủy tinh
46.	Xác định hệ số ES	ASTM 2419-91; AASHTO T176	Một ống hình trụ chia độ bằng nhựa, nút cao su, ống phun tia nước, đế nặng và xi phông
47.	Hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123 AASHTO T113	Đối với cốt liệu mịn: Cân có khả năng cân ít nhất 500g, độ nhạy 0.1g. Đối với cốt liệu thô: Cân có khả năng cân ít nhất 5000g, độ nhạy 1g Sàng có kích thước lỗ 300µm (No. 50) và 4.75mm, tủ sấy
48.	Độ bền trong dung dịch Na ₂ SO ₄ hoặc MgSO ₄	AASHTO T104; ASTM C88; BS 812-1	Đồng hồ so, máy đo pH, tỷ trọng kế
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
49.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100 ASTM D854	Nước cất, dầu hỏa, cân kỹ thuật (chính xác đến 0.01g), bình tỷ trọng (dung tích ≥ 100cm ³), cối

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD - 1217

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			sứ và chày sứ, rây lưới 2mm, bếp cát, tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, bơm chân không, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, phễu nhỏ, cốc nhỏ, hộp nhôm.
50.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216	Tủ sấy (điều chỉnh nhiệt độ đến 300oC), cân kỹ thuật chính xác đến 0.01g, bình hút ẩm (có CaCl ₂), cốc nhỏ, hộp nhôm (thể tích 30cm ³), rây d= 1mm, cốc sứ, chày sứ, khay men
51.	Xác định giới hạn dẻo; giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ASTM D4318	Bộ dụng cụ xác định giới hạn chảy: Đế gỗ, khuôn, mẫu đất, dụng cụ hình nón, quả cầu thẳng bằng, tay cầm, vạch dấu. Tấm kính nhám (40x60cm), rây kích thước 1mm, cối sứ và chày đầu bọc cao su, tủ sấy, dao, cân kỹ thuật (chính xác 0.01g) và dụng cụ khác.
52.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 ASTM D421; D2216; D4718	Bộ sàng tiêu chuẩn các kích cỡ 100; 80; 60; 40; 20; 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25 và 0,1 mm, tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ từ 50oC đến 110oC, nhiệt kế (50oC, chính xác 0.5oC), máy sần lắc, cân các loại (200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg), cối và chày sứ, khay đựng đất, nước sạch và các thiết bị khác
53.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 ASTM D 3080	Máy cắt phẳng, hộp cắt, và các dụng cụ khác
54.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 ASTM D 2435	Máy nén, mẫu chuẩn, dao gạt, tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, cân kỹ thuật (chính xác 0.01g), đồng hồ đo biến dạng (0.01mm),
55.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Cối đầm, chày đầm, cân kỹ thuật (chính xác 0.01kg), sàng lỗ 5mm, tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, hộp nhôm, dao gạt đất, khay trộn 40x60cm, búa cao su, bình đựng nước
56.	Thí nghiệm đầm chặt đất đá đầm	TCVN 12790:2020	Cân có độ chính xác 1g, Bộ sàng: Các kích thước mắt sàng tiêu chuẩn như 4,75 mm; 19,0 mm và 37,5 mm, tủ sấy
57.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937-71	Dụng cụ đo thể tích 2 ống thông nhau, lưới thép, cốc thủy tinh (cao > 20cm), cân kỹ thuật

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD - 1217

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
58.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR). Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:2011 TCVN 12792:2020 AASHTO T193	Cối đầm, chày đầm, thiết bị gia tải, vòng lực, đồng hồ biến dạng, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, giấy lọc, hộp đựng ẩm, khay
59.	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166-01 BS 1377:90	Máy nén, cân kỹ thuật, đồng hồ đo thời gian,
60.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 TCVN 12662:2019 ASTM D2434-00	Bộ hộp thấm, giàn thấm, dao vòng không rỉ, cân kỹ thuật, đồng hồ đo thời gian,
61.	Thí nghiệm độ tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao nổi chuyên dụng. Bình thủy tinh trong suốt, có đường kính từ 150mm-200 mm Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất. Bình giữ ẩm có nắp đậy kín. Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g
62.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012 ASTM D4829, D4546	Bàn và giá đỡ đồng hồ đo biến dạng nở. Hộp chứa nước. Pitstong đỡ chân đồng hồ đo biến dạng, có đục lỗ châm kim thoát khí. Đồng hồ đo biến dạng, số đọc chính xác đến 0,01 mm. - Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm.
63.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012 ASTM D427 AASHTO T92	Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm. Đồng hồ đo biến dạng, số đọc chính xác đến 0,01 mm. Cân kỹ thuật 0,1 g và 0,01 g.
64.	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	TCVN 8721:2012	Tủ sấy, cân thủy tinh, bình hút ẩm, thùng chứa nước
65.	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012	Máy nén thủy lực, máy khoan rút lõi, thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy
66.	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Đồng hồ đo áp suất, máy cắt đá, máy mài, thước kẹp, cân kỹ thuật, nhiệt kế
67.	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012	Thiết bị cắt cánh chuyên dùng, đồng hồ đo, thước cặp cơ khí, dụng cụ xác định độ ẩm, khối lượng, dụng cụ cắt đất.
68.	Xác định hàm lượng hữu cơ, hàm lượng muối trong đất	TCVN 8726:2012 AASHTO T267	Dụng cụ thủy tinh chuẩn. Cân phân tích (0.1mg; 0.01mg). lo nung 1000°C, hóa chất. Tủ sấy, có thể sấy tới 300°C Ống hút (pipet) Ống chuẩn độ (buret) Bình tam giác các loại Giấy lọc định tính
69.	Xác định thành phần và hàm lượng muối hóa tan	TCVN 8727:2012	Máy thử nén điểm, kích thủy lực, thước kẹp, máy cắt đá

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD - 1217

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
70.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2024	Vòng chắn nước, thiết bị cấp nước, thiết bị tự điều chỉnh mực nước ..
71.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; AASHTO T29 ASTM D2850; D4767	Máy nén, dụng cụ đo lực và biến dạng, cân kỹ thuật
5	THỬ NGHIỆM KIỂM TRA VẬT LIỆU KIM LOẠI		
72.	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014 AASHTO T244, T68M ASTM A370; ASTM E8/E8M BS EN 10002 JIS Z 2241:2011	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử
73.	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008 ASTM E290	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử
74.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010 ASTM E190	Máy thử kéo nén uốn 1000kN
75.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 AASHTO T68	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử
76.	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử
77.	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử
78.	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1998 ASTM A370:2002 ISO 898-1	Máy thử kéo nén uốn 1000kN, thước kẹp, cân điện tử, bộ gá
79.	Thử kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009 ACI 318M	Máy kéo nén vạn năng, Thiết bị đo độ giãn dài, Thước cặp điện tử / Thước lá, Máy nén bê tông, Thiết bị đo độ sụt, Máy thử kéo cốt thép
80.	Kiểm tra không phá hủy phương pháp thăm thấu	TCVN 4198:2014 AWS D1.1:2020	Bộ rây tiêu chuẩn: Các kích thước lỗ sàng từ 100 mm xuống đến 0,1 mm, Máy lắc rây, Cân điện tử: Độ chính xác 0,01g và 0,1g, tủ sấy
81.	Thử kéo cáp dự ứng lực	TCVN 13567:2022 TCVN 10568:2017 ASTM A416M-18 ASTM A370	Máy kéo nén đa năng, kéo thép, kéo cáp (WEW-1000B), thước kẹp.
82.	Thử nghiệm kéo nhỏ neo thép, neo bu lông	ASTM C900	Kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng, bộ gá
83.	Ống kim loại – thử nén bẹp	TCVN 1830:2021 ASTM A370-24	Máy thử kéo nén vạn năng, Thiết bị đo độ giãn dài, hệ thống ngâm kẹp, bộ gá
6	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
84.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			dạng, khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế,...
85.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đông, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ,...
86.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T172	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075)mm, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng, chổi quét,...
87.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau,...
88.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T166, T275 BS EN 12697-6	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế,...
89.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011 AASHTO T305	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), bay chải trộn mẫu
90.	Xác định độ góc cạnh	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304	Cân điện tử: Độ chính xác tối thiểu 0,1 g, Nhiệt kế: Dải đo từ 0°C đến 200°C, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, đồng hồ bấm giây
91.	Xác định khối lượng riêng thể tích và khối lượng riêng của các phối liệu trong hỗn hợp	TCVN 8860-4:2011	Bình tỷ trọng, đồng hồ đo áp suất, bàn rung
92.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T166 BS EN 12697-6	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu,...
93.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 ASTM D3203	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế,...
94.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011 ASTM D3203	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau,...
95.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011 ASTM D3203	Nhiệt kế: Dải đo từ 0 °C đến 150 °C, ủ sấy: Có bộ điều khiển nhiệt độ, duy trì ổn định ở 105 °C ± 5 °C, cân điện tử, sàng tiêu chuẩn
96.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011 AASHTO T245	Máy nén Marsall, đồng hồ đo độ biến dạng, bể ổn nhiệt, nhiệt kế,...

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			chính xác 0.01g, dao gạt, hộp nhôm, tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ khác
110.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 AASHTO T191	Bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân kỹ thuật các loại chính xác 0.01g, 1g, 5g và 10g. Tủ sấy duy trì nhiệt độ 110oC ±5oC, sàng mắt vuông, hộp nhôm (d=40mm, h=30mm), bình hút ẩm, cồn 96° ống nhỏ pipet, dao, khay đựng đất và các dụng cụ phụ trợ khác: dao vòng các kích cỡ, thước kẹp cơ khí, sàng các loại 2; 5; 20 và 60 mm.
111.	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng kim loại 3m, côn nệm kim loại 3 mm, 5 mm, 7 mm, 10 mm, 15 mm và 20 mm, chổi quét
112.	Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường bằng cần đo vòng benkenman	TCVN 8867:2011	Cần đo độ võng Benkelman, xe tải, tấm ép, kích thủy lực
113.	Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường, các lớp kết cấu bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 AASHTO T221	Xe tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ biến dạng (chính xác 0.01mm), giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, cát khô, thước ni vô
114.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 AST M D956	Cát tiêu chuẩn (0.15mm – 0.3mm), ống đồng cát (V 25cm ³), bàn xoa (d= 6-7,5cm), bàn chải sắt, thước dài 500mm (vạch 1mm), tấm chắn gió, cân kỹ thuật chính xác 0.1g
115.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Dụng cụ xuyên SPT
116.	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén	TCVN 9335:2012	Thiết bị siêu âm, súng bật nảy, máy dò cốt thép
117.	Xác định độ dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy đo với chỉ thị dạng kim chỉ, Máy đo với chỉ thị số
118.	Phương pháp điện thể kiểm tra khả năng bị ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012 ASTM C876	Máy mài cầm tay, máy dò cốt thép, thước dây
119.	Chống sét cho công trình xây; Đo điện trở hệ thống chống sét công trình xây dựng, hệ thống điện; Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012 TCVN 9432:2012 ASTM D6431:2010	Máy đo điện trở, máy đo thông mạch, thước thép, máy dò cốt thép
120.	Đất xây dựng – phương pháp , xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép	TCVN 9354:2012	Cần Benkelman, Tấm ép cứng, Kích thủy lực

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
121.	Phương pháp thử nghiệm gia tải đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cầu kiện bê tông	TCVN 9347:2012	Đồng hồ đo độ võng, Thiết bị đo từ xa, Kính hiển vi cầm tay hoặc thước đo vết nứt
122.	Thử áp lực ống	TCVN 4519:1988 TCVN 2942:1993	Máy cắt, máy ren ống, Máy hàn nhiệt, Bơm thử áp, Bơm thử áp, Đồng hồ đo áp suất, Thiết bị đo độ dốc
123.	Cọc - phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 ASMT DI 143	Máy bơm áp suất + kích nâng tải 100 tấn, 300 tấn, 500 tấn. Hệ thống thiết bị dùng làm phản lực (để neo giữ, làm đối trọng) khi gia tải, Đồng hồ so 4 cái (0-50mm), đồng hồ bấm giờ.
124.	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông – phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012 ASTM D6760-02	Máy siêu âm cọc khoan nhồi MCHA-100M
125.	Cọc – kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012	Máy đo biến dạng PDA/PIT. PRSM-PDT (D)
126.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT, CPTU)	TCVN 9352:2012 TCVN 9846:2013	Các bộ phận của thiết bị xuyên tĩnh tiêu chuẩn,
127.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường FVT	TCVN 9437:2012 ASTM D2573-94	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường, Máy khoan địa chất, cần khoan.
128.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:00	Máy đo biến dạng PDA/PIT.PRSM-PDT (D)
129.	PP xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-93	Kích gia tải, dụng cụ đo lực, đầu xuyên, đồng hồ đo độ xuyên, giá đỡ, tấm gia tải
130.	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bịt nảy	TCVN 9334:2012	Súng bịt nảy, máy mài phẳng, thước
131.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2024 TCVN 9148:2012	Thiết bị cấp nước. Vòng chắn bằng thép, hình trụ có đường kính trong 50 cm, cao từ 20 cm. đồng hồ bấm giây
132.	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc siêu âm	TCVN 9357:2012	Cáp đầu dò, chất tiếp âm, thanh chuẩn, thước cặp, thước thép
133.	Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012	Máy thử kéo bám dính, Máy khoan rút lõi nhỏ, thước cặp, nhiệt kế
134.	Kiểm tra không phá hoại xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:1995	Kính lúp đo lường, Thước đo độ rộng vết nứt, Thiết bị đo độ sâu vết nứt, Máy siêu âm bê tông
135.	Thử độ cứng vật liệu kim loại bằng phương pháp Leeb	ASTM A956-12a	Máy đo độ cứng Leeb cầm tay, máy mài cầm tay
9	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH XÂY		

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
136.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009	Thước đo có độ chính xác tới 0,1 mm (thước cặp, thước lá, thước thẳng), cân điện tử
137.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2: 2009 AASHTO T32	Máy thử kéo, nén uốn (0-1000kN, chính xác 0,01kN), thước lá, thước kẹp có độ chính xác 1mm
138.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3: 2009 AASHTO T32	Máy thử kéo, nén uốn (0-1000kN, chính xác 0,01kN), thước lá, thước kẹp có độ chính xác 1mm
139.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009 AASHTO T32	Tủ sấy (300°C), cân kỹ thuật chính xác 1g, thùng ngâm mẫu, thước đo, máy hút chân không,
140.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5: 2009	Tủ sấy (300°C), cân kỹ thuật chính xác 1g, thước đo chính xác 1mm
141.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009	Cân kỹ thuật chính xác 1g, thước đo, thước kẹp, máy hút chân không,
10	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
142.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022 EN 1015-1	Cân kỹ thuật chính xác 0.1g, bộ sàng tiêu chuẩn các loại 5mm, 2.5mm, 1.25mm, 0.63mm, 0.08mm, tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, chính xác 5°C
143.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437-07	Thước kẹp chính xác 1mm, bay chải trộn, bàn dẫn, khâu hình côn, chày đầm.
144.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022 EN 1015-6:99	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 g, Bình đóng bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 L, đường kính trong bằng 125 mm.
145.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, phễu, đồng hồ bấm giây
146.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Cân kỹ thuật 10kg, đồng hồ bấm giây, tủ dưỡng hộ mẫu, bay, chảo, vòng đệm, kim đâm xuyên
147.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022 EN 1015-10:99	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ (105 ± 5) °C hoặc (60 ± 5) °C, Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm, Cân thủy tĩnh, Parafrin
148.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109	Khuôn đúc mẫu, chày đầm mẫu 50g, tủ dưỡng hộ mẫu (25°C–29°C),vải 150mm x175mm, Máy thử kéo, nén uốn (0-1000kN, chính xác 0,01kN)

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
149.	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022	Cân phân tích, tủ sấy, giấy lọc, buret 10ml, bình tam giác, bình định mức, bình hút ẩm, sàng có kích thước lỗ sàng 10 mm và 0,125 mm, máy lắc
150.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1403	Đồng hồ bấm giây (1s), cân kỹ thuật (chính xác 0.1% khối lượng mẫu), tủ sấy ($60 \pm 5^{\circ}\text{C}$), thùng lưu mẫu, khuôn kim loại 160x40x40mm, nước cất
151.	Xác định độ lan chảy	ASTM C939	Phễu hình nón, bình chứa công suất 2000ml, máy thủy chuẩn, đồng hồ hẹn giờ, máy trộn vữa
152.	Xác định tỷ lệ tách nước	TCVN 9204:2012 ASTM C940	Ống chia độ thủy tinh 1000ml, thiết bị đo nhiệt độ
153.	Xác định tỷ lệ trương nở	TCVN 9204:2012 ASTM C1090	Thước cặp, thanh nén, máy trộn cơ học, tấm kính vuông
11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
154.	Thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số hấp nước; Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Ổng đóng, dụng cụ làm sạch, sàng, bình đo, đồng hồ, cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g. Bình tỷ trọng 100ml, Ổng đóng, dụng cụ làm sạch, sàng, tủ sấy điều chỉnh từ 50°C – 200°C , nhiệt kế đo đến 50°C độ chính xác $0,5^{\circ}\text{C}$, đồng hồ, cân độ chính xác 0,01g, 0,001g, sàng kích thước 0.25mm, cốc sứ/cốc thủy tinh 50cm ³ , bếp đun, nước cất
155.	Xác định lượng mất khi nung	TCVN 12884-2:2020	Cân (độ chính xác 0,1g), Tủ sấy (nhiệt độ $(110 \pm 5)^{\circ}\text{C}$). Bộ sàng tiêu chuẩn, Bình hút ẩm bằng thủy tinh..
156.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng 100ml, Ổng đóng, dụng cụ làm sạch, sàng, tủ sấy điều chỉnh từ 50°C – 200°C , nhiệt kế đo đến 50°C độ chính xác $0,5^{\circ}\text{C}$, đồng hồ, cân độ chính xác 0,01g, 0,001g.
157.	Hàm lượng nước	TCVN 12884-2:2020	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm
158.	Hình dáng bên ngoài	TCVN 12884-1:2020	Khay đựng mẫu, thìa xúc mẫu
159.	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bể ổn nhiệt, bình hút ẩm
12	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
160.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Độ dày lớp màu	TCVN 6476:1999 ASTM C140/C140M	Thước lá (chính xác đến 1mm), bảng màu. Máy thử kéo, nén uốn (0-1000kN, chính xác 0,01kN), bay chải.
161.	xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999 ASTM C140/C140M	Máy nén 300 kN

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
162.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009 ASTM C140/C140M	Cân kỹ thuật, tủ sấy, ống đo nước vạch chia 2ml.
163.	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 6065:1995 ASTM C140/C140M	Máy mài mòn bề mặt, Cân kỹ thuật,
13	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO		
164.	Hình dạng và kích thước, mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước chính xác 0,1 mm; Thước nivô, chính xác 0,1 mm; Thước lá có độ chuẩn xác 0,1 mm
165.	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013 TCVN 6355-4:2009 EN 13748-1, 2	Tủ sấy (105 ± 5 °C), Cân chính xác 1g, khăn ẩm, thùng chứa nước, Sáp, hoặc vật liệu tương tự để gắn kín các mặt, bàn chải, nước sạch
166.	Xác định cường độ uốn	TCVN 7744:2013	Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm; Máy thử kéo, nén uốn (0-1000kN, chính xác 0,01kN)
167.	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013	Máy mài mòn
168.	Xác định cường độ nén	TCVN 7744:2013	Máy nén thủy lực, thiết bị cắt mẫu, tủ sấy, cân điện tử, thước lá
14	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK		
169.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016 ASTM C140/C140M	Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm, Thước kẹp có vạch chia đến 0,1 mm
170.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016 ASTM C140/C140M	Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm, tấm kính, bay, chảo, máy nén
171.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016 ASTM C140/C140M	Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm, tấm kính
172.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016 ASTM C140/C140M	Cân kỹ thuật, tủ sấy, ống đo nước vạch chia 2ml
173.	Xác định độ thấm	TCVN 6477:2016 ASTM C140/C140M	Tủ sấy, cân điện tử, thước đo chia vạch, nhiệt kế
15	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG BỐT, KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP		
174.	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Thước thẳng, Thước ke vuông, Thước nivô, Thước lá, Bộ cân lá thép
175.	Thí nghiệm khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Tủ sấy, có bộ phận điều chỉnh và ổn định ở nhiệt độ (105 ± 5) °C, Thước cặp, có khả năng đo đến 200 mm, có khả năng đọc đến 0,1 mm; Cân kỹ thuật, có khả năng cân đến 2000 g, có khả năng đọc đến 0,1 g
176.	Thí nghiệm cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy nén, Cân kỹ thuật, khả năng đọc tới 1 g, Tủ sấy, có bộ phận điều chỉnh và có thể ổn định ở nhiệt độ (105 ± 5) °C
177.	Thí nghiệm độ hút nước; Độ co; Độ ẩm	TCVN 9030:2017	Bình hút ẩm, có đường kính không nhỏ hơn 300 mm. Thước

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			lá kim loại hoặc thước kẹp, có khả năng đọc đến 0,1 mm, Máy gia công mẫu, Ôn áp, Biến áp tự ngẫu, Thiết bị xác định hệ số dẫn nhiệt, Tủ sấy, có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt ở nhiệt độ $(105 \pm 5) ^\circ\text{C}$, Cân kỹ thuật, có khả năng đọc đến 0,1 g
16	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
178.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy 101-2, cân kỹ thuật FA2004, giấy lọc, dụng cụ thí nghiệm hoá
179.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy 101-2, cân kỹ thuật FA2004, giấy lọc, dụng cụ thí nghiệm hoá
180.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Thiết bị đo PH HI 3221, dụng cụ thí nghiệm hoá
181.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	Hoá chất chuẩn, dụng cụ thí nghiệm hoá, cân kỹ thuật FA 2004
182.	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996	Lò nung, tủ sấy 101-2, hoá chất chuẩn, dụng cụ thí nghiệm hoá, cân kỹ thuật FA 2004
183.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Bình nón dung tích 250 ml, buret dung tích 25 ml, pipet dung tích 25 ml, bình định mức, Cốc thủy tinh, ống nghiệm, Thiết bị gia nhiệt (bếp điện hoặc bể cách thủy), nhiệt kế, đồng hồ bấm giờ.
17	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT - BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM		
184.	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2013 ASTM D5199	Khuôn lấy mẫu, kích hoặc bàn ép, đồng hồ bấm giây, đĩa ép, đồng hồ điện tử hoặc đồng hồ bách phân
185.	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5261	Thước thẳng, compa đo có độ chính xác đến 1 mm, kéo, bút ghi,
186.	Xác định lực kéo giật và độ giãn kéo giật	TCVN 8871-1:2013 ASTM D4632	Máy nén-kéo 50kN, ngàm kẹp, bể ngâm, thiết bị đo giãn dài, thước đo có độ chính xác 0,1 mm
187.	Xác định độ kéo rách hình thang	TCVN 8871-2 2011	Máy nén-kéo 50kN, thiết bị đo giãn dài, ngàm kẹp, thước đo có độ chính xác 0,1 mm, bể ngâm,
188.	Xác định lực xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011 ASTM D6241	Máy nén-kéo 50kN, thiết bị đo giãn dài, ngàm kẹp, thước đo có độ chính xác 0,1 mm, bể ngâm,
189.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011 ASTM D4833	Máy nén-kéo 50kN, mũi xuyên, ngàm kẹp, thước đo có độ chính xác 1 mm, bể ngâm

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
190.	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011	Bơm thủy lực, đồng hồ đo áp lực, ngàm kẹp, thước đo có độ chính xác 1 mm, bề ngàm
191.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp thử sàng khô	TCVN 8871-7:2011 ASTM D4751	Máy lắc rây, tủ sấy
192.	Xác định khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và bắc thấm	ASTM D4716	Máy thử thấm, thước đo có độ chính xác 0,1 mm, bề ngàm, đồng hồ bấm giờ
193.	Xác định khả năng chống thấm của vải địa kỹ thuật	ASTM D4491	Máy thử thấm, thước đo có độ chính xác 0,1 mm, bề ngàm, đồng hồ bấm giờ
194.	Trọng lượng đơn vị	TCVN 8221:2013 ASTM D3776	Cân điện tử, tủ sấy, thước đo
195.	Vải địa kỹ thuật – xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 8485:2010 ASTM D4595	Máy nén-kéo 50kN, thiết bị đo giãn dài, ngàm kẹp, thước đo có độ chính xác 0,1 mm
18	THÍ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT		
196.	Xác định độ chặt đầm nén theo phương pháp khô và ướt	ASTM D559:96	Khuôn đầm nén, cân điện tử, thước kẹp, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích
197.	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560:96	Khuôn đúc mẫu, Máy nén tĩnh hoặc Bộ đầm nén, Cân điện tử
198.	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:07	Khuôn đúc, chày đầm, máy nén thủy lực, đồng hồ đo lực, thước kẹp, tủ sấy
199.	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:06	Máy nén, thước kẹp, cân điện tử, tủ sấy
200.	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635:12	Máy nén tĩnh hoặc Bộ đầm, Khuôn đúc mẫu lăng trụ, Máy nén/uốn, thước kẹp, tủ sấy
19	KIỂM TRA CÔNG HỢP		
201.	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCVN 9116:2012	Máy đo độ dày lớp bê tông bảo vệ, Thước lá thép, kính lúp, thước kẹp,
202.	Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước	TCVN 9116:2012	Máy dò cốt thép, thước cuộn thép, thước lá, thước đo góc, thước e ke vuông,
203.	Khả năng chịu tải của dốt công	TCVN 9116:2012	Cảm biến lực, Kích thủy lực, Đồng hồ so, bộ hiển thị số, thước đo
204.	Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9116:2012	Máy bơm nước, Áp kế, Ống đo mức nước, Đồng hồ bấm giờ, Nhiệt kế
20	THỬ NGHIỆM ỐNG CÔNG THOÁT NƯỚC		
205.	Kích thước, ngoại quan	TCVN 9113:2012	Máy dò cốt thép, thước cuộn thép, Thước kẹp, Thước đo đường kính chuyên dụng, Thước vuông, Kính lúp có thang đo

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
206.	Độ vuông góc	TCVN 9113:2012	Ê-ke vuông cỡ lớn, Thước lá thép hoặc Thước đo khe hở, Thước cuộn thép, Thước dây thép, Máy cân bằng Laser, áy kính vĩ hoặc Máy toàn đạc
207.	Thử cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy, thước kẹp, thước lá, bút lông
21	THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT		
208.	Xác định độ nhớt saybolt furol	TCVN 8817-2:2011 AASHTO T72	Phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, bình đóng, đồng hồ bấm giây, bình thủy tinh
209.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011 AASHTO T59	Bình lưu mẫu, dạng hình trụ tròn có đường kính 50mm $\pm$ 5mm, dung tích 500ml, Pi pet: làm bằng thủy tinh đúng tích 100ml, cân: có khả năng cân được 1000g với độ chính xác $\pm$ 0.1g, cốc, thìa khuấy
210.	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011 ASTM D244	Sàng: Một sàng có đường kính 76,2 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E11, mắt sàng lỗ vuông kích cỡ 850 μ m, khay, Nhiệt kế, cân: Một cân có khả năng cân được 2000 g với độ chính xác $\pm$ 1 g và Một cân có khả năng cân được 500 g với độ chính xác $\pm$ 0,1 g, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc thủy tinh
211.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011 ASTM D244	Cốc thủy tinh dung tích 250 ml, Thanh đỡ: Làm bằng thủy tinh hoặc vật liệu cách điện phù hợp khác để giữ các điện cực trong cốc thủy tinh khi thử nghiệm, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây
212.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011 AASHTO T59	Lưới sàng tiêu chuẩn kích cỡ 1,40 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E11, có đường kính tối thiểu là 125 mm, Cốc kim loại có dung tích 600 ml, Đũa kim loại đường kính 10 mm, hai đầu được tạo tròn, Cân có khả năng cân được 500 g với sai số $\pm$ 0,1 g, tủ sấy
213.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011 ASTM D244	Sàng: Một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 180 μ m và một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 1,40 mm có đường kính 76,2 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E 11, Ống đóng: Làm bằng thủy

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			tính, hình trụ, dung tích 100 mL, Cân có khả năng cân được 1000 g với độ chính xác 0,1 g, Tủ sấy có khả năng duy trì nhiệt độ ở $163^{\circ}\text{C} \pm 3^{\circ}\text{C}$
214.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011 ASTM D244	Sàng: Một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 19,0 mm và một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 4,75 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E11, Nhiệt kế: Nhiệt kế loại 15F hoặc 15C phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E1 (nhiệt kế thủy ngân có phạm vi đo từ -2°C đến 80°C , vạch chia $0,2^{\circ}\text{C}$), Cân: Có khả năng cân được 1000 g với độ chính xác $\pm 0,1$ g, Ống pi-pét dung tích 10 ml.
215.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011 ASTM D244;	Cân: Có khả năng cân được 1000 g với độ chính xác $\pm 0,1$ g, Ống pi-pét dung tích 10 ml, Sàng: Một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 19,0 mm và một sàng tiêu chuẩn lỗ vuông kích cỡ 4,75 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E11
216.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011 AASHTO T59	Tủ sấy: Bảo đảm duy trì ở nhiệt độ từ 120°C đến 150°C , Cân: Có khả năng cân được 500 g với độ chính xác $\pm 0,1$ g, Ống đong: Làm bằng thủy tinh, hình trụ tròn, dung tích 500 ml, Nhiệt kế loại 67C phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E1 (nhiệt kế thủy ngân có phạm vi đo từ 95°C đến 155°C , có vạch chia $0,2^{\circ}\text{C}$)
217.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011 AASHTO T59	Sàng: Lỗ vuông 0,850 mm, Cốc thủy tinh dung tích 1000 ml, Cân kỹ thuật
218.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011 ASTM D6999	Cốc thủy tinh dung tích 400 ml, Ống đong dung tích 100 ml, 200ml, Nhiệt kế loại 17C phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E1 (nhiệt kế thủy ngân có phạm vi đo từ 19°C đến 27°C , có vạch chia $0,1^{\circ}\text{C}$) hoặc thiết bị đo nhiệt độ khác có cùng độ chính xác
219.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011 AASHTO T59	Bình đong tiêu chuẩn: Làm bằng kim loại, hình trụ tròn, có dung tích 100 ml, Cân: Có độ chính xác 0,01 g, Bể ổn nhiệt có khả năng duy trì ở nhiệt độ $25^{\circ}\text{C} \pm 0,5^{\circ}\text{C}$

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
220.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011 AASHTO T59	Cốc kim loại dung tích 500 ml, Ống đong 50 mL có vạch chia thể tích, Sàng tiêu chuẩn lỗ vuông 19 mm phù hợp với tiêu chuẩn ASTM E11
221.	Nhiệt độ bất lửa	TCVN 8818-2:2011 ASTM D3143	Cốc đựng mẫu, bể gia nhiệt, giá đỡ nhiệt kế
222.	Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011 ASTM D95	Bình chung cất, ống nhưng tụ, ống hứng chia độ
223.	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chung cất, ống nhưng tụ, ống hứng chia độ, nắp chắn nhiệt, tấm chắn nhiệt
224.	Độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011 ASTM D2170	Nhớt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, bể điều khiển nhiệt độ
24	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BENTONITE		
225.	Xác định tỷ trọng	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020	Cân bùn, nhiệt kế
226.	Xác định độ nhớt	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Phễu Marsh, Phễu côn, Sàng thô có kích thước lỗ sàng 3,2 mm, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế
227.	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Đồng hồ bấm giây, thang chia độ, Ống cắt trượt rỗng trong
228.	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Sàng có kích thước mắt lưới 75 µm, đường kính 50 mm, Phễu côn, Bình đo bằng thủy tinh có chia vạch từ 0% đến 20% theo thể tích
229.	Xác định tỷ lệ keo	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Ống đong 1000 ml, cốc, đồng hồ bấm giây
230.	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Nước cất, giấy mềm, nhiệt kế
231.	Xác định lượng mất nước	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020	Bình chứa dung dịch, Giấy lọc chuyên dụng, Ống đong, Đồng hồ bấm giờ
232.	Xác định độ nhớt bằng phễu Marsh	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020, ASTM D6910-09	Phễu Marsh, Đồng hồ bấm giờ, Nhiệt kế
25	THỬ NGHIỆM CHỈ TIÊU CƠ LÝ GẠCH, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO		
233.	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016	Thước cặp điện tử hoặc cơ khí có độ chia nhỏ nhất 0,1 mm, Thước thẳng và Căn lá, ke vuông
234.	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Cân phân tích: Độ chính xác cao, thường là 0,01 g, tủ sấy, bể ngâm, bình hút ẩm
235.	Xác định độ bền uốn gãy và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	Thước cặp, thước lá, tủ sấy, bình hút ẩm
236.	Xác định độ bền mài mòn sâu	TCVN 6415-6:2005	Máy mài mòn, thước cặp điện tử, máy sấy, cân điện tử

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
237.	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Thước kim loại, thước kẹp, thước ni vô, thước lá
26	THỬ NGHIỆM CHỈ TIÊU CƠ LÝ NGÓI LỘP		
238.	Xác định trọng tải uốn gãy của ngói	TCVN 4313:2023	Máy thử uốn, lực kế, thước kẹp
239.	Xác định độ hút nước của ngói	TCVN 4313:2023	Cân điện tử, tủ sấy, bể ngâm mẫu
240.	Xác định thời gian không xuyên nước của ngói	TCVN 4313:2023	Khung (ống) đo độ xuyên nước, Đồng hồ bấm giờ, Tủ sấy
241.	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Cân điện tử, Bể ngâm mẫu, thước thép
27	THỬ NGHIỆM CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA ỐNG PVC		
242.	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2007; ISO 6259-1- 1997	Máy kéo nén, thước kẹp, thước dây
243.	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007 ISO 3126	Thước kẹp, thước dây, thước vòng
244.	Xác định độ bền va đập bên ngoài, độ cứng	TCVN 6145:2007 TCVN 9070:2012	Máy nén uốn, thước kẹp, thước dây, tủ sấy, giàn va đập.
245.	Thử áp lực ống	TCVN 4519: 1988 TCVN 2942:1993	Máy bơm tăng áp, Bộ điều khiển áp suất tự động, Bể nước ôn nhiệt
28	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ SƠN		
246.	Xác định độ mịn	TCVN 8786:2012	Thước đo độ mịn, kính lúp
247.	Xác định độ bền rửa trôi	TCVN 8786:2012	Máy chà rửa tự động, Bộ đếm chu kỳ, Thước gạt màng sơn, Tủ dưỡng mẫu
248.	Xác định độ bền va đập	TCVN 8786:2012	Máy đo độ bền va đập, Bộ phận rơi, Kính lúp
249.	Xác định độ chịu dầu, kiềm, muối	TCVN 8786:2012	Tủ sấy, Bình/Bể ngâm mẫu, Kính lúp, Máy đo độ bám dính, Máy đo độ bóng
250.	Xác định độ mài mòn	TCVN 8786:2012	Máy đo độ mài mòn, Cân phân tích điện tử, Máy hút bụi chuyên dụng
251.	Xác định độ co ngót	TCVN 8786:2012	Cân kỹ thuật thủy tĩnh, Tủ sấy, Dụng cụ đo độ dày màng sơn
252.	Xác định độ chống loang màu	TCVN 8653-4:2012	Tủ ổn định nhiệt độ và độ ẩm, Thiết bị so màu
253.	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5 2012	Tủ sấy, Bể ổn nhiệt, Kính lúp
254.	Chiều dài lớp phủ sơn	TCVN 8791:2011	Máy đo độ dày màng sơn ướt và khô, Thước thép hoặc Thước cặp
255.	Khối lượng riêng	TCVN 8791:2011	Cốc đo tỷ trọng, Cân điện tử, Nhiệt kế, Bể ổn nhiệt
256.	Độ kháng chảy	TCVN 8791:2011	Thước đo độ kháng chảy, giá đỡ tám mẫu, tám mẫu thử
257.	Xác định mài mòn của sơn dẻo nhiệt	TCVN 8791:2011	Máy đo độ mài mòn, Cân phân tích điện tử, Súng đo nhiệt độ hồng ngoại,
258.	Xác định hàm lượng chất tạo màng	TCVN 8791:2011	Lò nung, Tủ sấy, Máy ly tâm, Cân phân tích, Chén nung

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
259.	Khả năng chống nứt ở nhiệt độ thấp	TCVN 8791:2011	Kính lúp, Đồng hồ bấm giờ
260.	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 8791:2011	Nhiệt kế, bộ vòng và bi
261.	Xác định độ chống trượt	TCVN 8791:2011	Thiết bị thử độ chống trượt con lăn, Thanh gạt cao su, Thước đo chiều dài tiếp xúc, nhiệt kế
262.	Độ phát sáng	TCVN 8791:2011	Máy đo màu quang phổ, Máy đo phản quang
263.	Độ bền nhiệt	TCVN 8791:2011	Tủ sấy, Máy đo màu quang phổ, Máy đo độ bóng, Kính lúp, Bình hút ẩm
264.	Xác định thời gian khô	TCVN 2096-1:2015	Máy đo thời gian khô tự động, Đồng hồ bấm giờ, Dụng cụ tạo màng sơn, Tủ ổn định nhiệt độ và độ ẩm,
265.	Thành phần hạt của hạt thủy tinh phản quang	TCVN 9880:2013; ASTM D1214	Bộ rây tiêu chuẩn, Máy lắc rây, Cân điện tử, Tủ sấy
266.	Độ phản quang	TCVN 9274:2012	Máy đo độ phản quang, Máy đo phản quang vạch kẻ đường, Nhiệt kế
267.	Xác định độ bền uốn	TCVN 7887:2008	Thiết bị uốn trục hình trụ, Kính lúp, Tủ ổn định nhiệt độ và độ ẩm
29	THỬ NGHIỆM LỚP PHỦ, LỚP MẠ		
268.	Xác định chiều dày, độ bám dính, khối lượng mạ	TCVN 4392:1986 TCVN 5408:2007 TCVN 7665:2007 ASTM A123	Máy đo độ dày lớp phủ kỹ thuật số, Cân phân tích, Búa thử chuyên dụng, Thước dây/Thước cặp
30	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG, CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC		
269.	Kích thước, ngoại quan	TCVN 5847:2016; TCVN 7888:2014	Thước cuộn thép, Thước cặp, Thước dây, Thước đo khe hở, Thước đo bề rộng vết nứt, Thước thẳng (2m) và nêm đo, Máy đo bề dày lớp bê tông bảo vệ
270.	Thử kéo đầu cột	TCVN 5847:2016	Kích thủy lực, Dây cáp thép và Ma-nút, Cảm biến lực, Đồng hồ đo biến dạng, hước đo bề rộng vết nứt
271.	Độ bền uốn	TCVN 7888:2014	Kích thủy lực, Dây cáp thép hoặc thanh kéo chuyên dụng, Đồng hồ đo biến dạng, Máy đo/Kính đo vết nứt
272.	Độ bền nén	TCVN 7888:2014	Máy thử nén bê tông, Khuôn đúc mẫu, Máy mài mẫu
273.	Độ bền cắt	TCVN 7888:2014	Kích thủy lực, Khung phân lực, Cảm biến lực, Đồng hồ đo biến dạng, Kính hiển vi đo vết nứt
31	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG, PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH		
274.	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn xác định: Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8825:2011	Máy đo diện tích bề mặt cụ thể, Sàng tiêu chuẩn, Máy thử nén

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			vữa/bê tông, Cân điện tử, tủ sấy, lò nung
275.	Phụ gia hóa học cho bê tông xác định Hàm lượng chất khô; Khối lượng riêng; Độ pH; Ảnh hưởng của phụ gia đến độ co của bê tông;	TCVN 8826:2011	Máy đo độ pH, Tỷ trọng kế hoặc Bình đo tỷ trọng, Tủ sấy, Lò nung
276.	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: Silica fume và tro trấu nghiền mịn xác định: Hàm lượng mất khi nung; Độ ẩm; Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 8827:2011	Lò nung điện, Tủ sấy, Cân phân tích, Máy đo diện tích bề mặt cụ thể, sàng tiêu chuẩn, Máy trộn vữa tiêu chuẩn, Máy thử nén vữa
32	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ GÓI CẦU CAO SU, KHE CO GIẢN		
277.	Thử nén gối cầu cao su	TCVN 10308:14; ASTM D4014/D5977	Kích thủy lực, Đồng hồ đo biến dạng, Giá đỡ thiết bị đo
278.	Thử độ giãn dài	ASTM D2240 ASTM D638	Máy đo độ cứng, Đồng hồ bấm giây, Máy thử kéo vạn năng, Thiết bị đo độ giãn dài
279.	Thử nghiệm độ thấm nước	ASTM D570	Thiết bị sấy và cân phân tích, Tủ sấy
280.	Thử nghiệm khả năng trương nở trong dầu	ASTM D471	Bể điều nhiệt hoặc Tủ sấy, Ống nghiệm thủy tinh, cân phân tích
33	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG		
281.	Kính tấm: Xác định kích thước ngoại quan, sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7219:2018	Thước panme, hoặc dụng cụ thích hợp khác, có độ chính xác đến 0,01 mm. Thước thép, hoặc dụng cụ thích hợp, có độ chính xác đến 1 mm
282.	Kính cán vân hoa: Xác định kích thước ngoại quan, sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7527:2005	Thước có độ chính xác đến 0,1 mm, giá đỡ để giữ tấm kính theo chiều thẳng đứng
283.	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn: Xác định độ bền; kích thước và hoàn thiện cạnh; ngoại quan	TCVN 7364:2018	Thiết bị thử độ bền bức xạ, Tủ thử độ ẩm, Thiết bị thử con lắc
284.	Xác định độ bền va đập bi rơi, xác định độ bền va đập con lắc; xác định lượng mảnh vỡ	TCVN 7368-2012; TCVN 7455:2013	Bi thép, khung thép đỡ mẫu, Thiết bị thử độ vỡ, thước lá, thước thẳng, thiết bị kiểm tra kích thước
285.	Kính phủ phản quang xác định: Kích thước, khuyết tật ngoại quan; độ bền mài mòn	TCVN 7528:2005	Máy phổ quang kế, Thiết bị thử độ bền mài mòn, Tủ thử độ ẩm và nhiệt độ, Thước cuộn thép, thước cặp, Đèn kiểm tra khuyết tật, Thước thẳng và thước lá
34	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP QUANG		
286.	Ruột dẫn cáp cách điện xác định: Số sợi, mặt cách danh nghĩa, thử kéo, độ dẫn dài khi kéo	TCVN 5933:1995	Kính phóng đại, Máy thử kéo, ile Testing Machine): Dùng để xác định giới hạn bền kéo và độ giãn dài tương đối của sợi dây, Cân phân tích

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
287.	Cáp và dây dẫn mềm xác định chỉ tiêu cơ học của lớp cách điện và vỏ: thử kéo, độ dẫn dài khi kéo	TCVN 5582-1991	Máy thử kéo, Hệ thống kẹp mẫu, Kính hiển vi đo lường, Thước cặp, Tủ sấy
288.	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502.2009	Thước kẹp, Máy đo điện trở cách điện, Thiết bị đo điện trở ruột dẫn, Máy đo phóng điện cục bộ, Máy phát xung điện áp
289.	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước	TCVN 6614:2008; IEC 60811	Kính hiển vi đo lường, Đồng hồ so, Máy thử kéo, Lò nhiệt, Thiết bị uốn ở nhiệt độ thấp, Thiết bị thử va đập ở nhiệt độ thấp
35	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THẠCH CAO		
290.	Xác định độ cứng	TCVN 8257-2:2023	Cân có độ chính xác đến 0,1 g, thiết bị thử độ cứng, kim xuyên bằng thép
291.	Xác định độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	Cân có độ chính xác đến 0,1 g, gối đỡ mẫu và thanh gia tải
292.	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023	Cân có độ chính xác đến 0,1 g, giá đỡ
293.	Độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	Bể nước, đĩa thủy tinh, cân có độ chính xác đến 0,5g
36	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NHÔM		
294.	Xác định sai lệch kích thước hình dạng	TCVN 12513-4:2018	Thước cặp, thước thẳng, thước đo góc, bộ căn lá, đồng hồ so
295.	Xác định độ cứng	TCVN 258-1:2007	Máy đo độ cứng Vickers, bàn gá mẫu, kính hiển vi, máy cắt mẫu kim loại, máy mài
37	THÍ NGHIỆM BỘT BÀ TUƠNG		
296.	Xác định khối lượng thể tích; xác định độ giữ nước, độ bền nước, độ cứng bề mặt, độ dính bám với nền, độ mịn, thời gian đông kết	TCVN 7239:2014	Bộ rây tiêu chuẩn, Cân điện tử, Tủ sấy, Bình khối lượng riêng, Dụng cụ Vicat, Đồng hồ bấm giây, Thiết bị hút chân không, Máy đo cường độ bám dính, Máy đo độ cứng màng sơn, Thiết bị đo độ mài mòn, Tủ dưỡng hộ, Bể ngâm mẫu

2. Danh mục máy móc, thiết bị

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ/Model	Nơi đặt	Tình trạng thiết bị	Ghi chú
1.	Máy thử kéo – nén – uốn	Việt Nam UTM-1000M	PTN công ty	Tốt	
2.	Máy thử nén	Trung Quốc TYA 2000	nt	Tốt	
3.	Máy thử nén	Trung Quốc SYE 2000A	nt	Tốt	
4.	Máy thử nén	Trung Quốc CBR-III	nt	Tốt	
5.	Máy thử nén	Trung Quốc/	nt	Tốt	

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

		TYA 300			
6.	Máy xác định độ thấm bê tông	Trung Quốc/HS-40	nt	Tốt	
7.	Tủ sấy 3000C	Trung Quốc/ HN 101-2	nt	Tốt	
8.	Búa thử bê tông Matest	Ý/C380	nt	Tốt	
9.	Búa thử bê tông Proceq – Thụy Sĩ	Thụy Sĩ/N-34	nt	Tốt	
10.	Cân kỹ thuật	Đài Loan KD-TBED-600	nt	Tốt	
11.	Cân kỹ thuật	Hàn Quốc/SW-1S	nt	Tốt	
12.	Cân kỹ thuật	Hàn Quốc/SW-30A	nt	Tốt	
13.	Cân kỹ thuật	Trung Quốc/TPS15	nt	Tốt	
14.	Cân kỹ thuật	Trung Quốc/TM- BJS 50002	nt	Tốt	
15.	Cân kỹ thuật	Trung Quốc/TPS MAX 313	nt	Tốt	
16.	Cân kỹ thuật	Trung Quốc/TPS MAX 3102	nt	Tốt	
17.	Máy đo điện trở	Thái Lan/ KEW 4105A	nt	Tốt	
18.	Gông từ KY-2	Hàn Quốc/KY-2	nt	Tốt	
19.	Kích thủy lực	Trung Quốc MH-20	nt	Tốt	
20.	Cần Benkelman	Trung Quốc	nt	Tốt	
21.	Thước kẹp	Trung Quốc	nt	Tốt	
22.	Thước đo hạt thoai dẹt	Trung Quốc	nt	Tốt	
23.	Vòng lực	Trung Quốc/12535	nt	Tốt	
24.	Đồng hồ so	Trung Quốc	nt	Tốt	
25.	Máy dò cốt thép	Trung Quốc/ LR-G200	nt	Tốt	
26.	Máy nén Marshall	Trung Quốc/ LWD-3A	nt	Tốt	
27.	Máy đo độ dày kim loại	Trung Quốc/ MT200	nt	Tốt	
28.	Máy đo độ bám dính lớp sơn phủ	Trung Quốc/ ZQS6-2000A	nt	Tốt	
29.	Cờ lê lực	DBK/TS1000	nt	Tốt	
30.	Máy siêu âm bê tông	Ý/C369N	nt	Tốt	
31.	Thiết bị đo Môđun đàn hồi bằng tấm ép cứng	Trung Quốc	nt	Tốt	
32.	Máy chiết nhựa ly tâm	Trung Quốc	nt	Tốt	
33.	Máy nén đất tam liên	Trung Quốc	nt	Tốt	
34.	Máy Los Angeles	Trung Quốc	nt	Tốt	
35.	Bộ dụng cụ xác định giới hạn chảy dẻo	Việt Nam	nt	Tốt	
36.	Khuôn CBR	Trung Quốc	nt	Tốt	

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

37.	Bộ cối chày protor tiêu chuẩn	Trung Quốc	nt	Tốt	
38.	Bộ cối chày protor cải tiến	Trung Quốc	nt	Tốt	
39.	Bộ đầm nén Marshall	Trung Quốc	nt	Tốt	
40.	Cối nén đập xi lanh đường kính 75mm	Trung Quốc	nt	Tốt	
41.	Cối nén đập xi lanh đường kính 150mm	Trung Quốc	nt	Tốt	
42.	Côn thử độ sụt của bê tông	Trung Quốc	nt	Tốt	
43.	Máy khoan bê tông + mũi khoan đường kính 70mm, 100mm	Trung Quốc	nt	Tốt	
44.	Máy phát điện	Trung Quốc	nt	Tốt	
45.	Máy cắt bê tông	Trung Quốc	nt	Tốt	
46.	Máy khoan cầm tay	Trung Quốc	nt	Tốt	
47.	Khuôn đúc vữa 4x4x16cm	Trung Quốc	nt	Tốt	
48.	Khuôn đúc bê tông 15x15x15cm	Trung Quốc	nt	Tốt	
49.	Khuôn đúc bê tông 10x10x10cm	Trung Quốc	nt	Tốt	
50.	Khuôn đúc bê tông 15x30cm	Trung Quốc	nt	Tốt	
51.	Máy trộn vữa xi măng	Trung Quốc	nt	Tốt	
52.	Dụng cụ vi ca xi măng	Trung Quốc	nt	Tốt	
53.	Bàn dẫn vữa xi măng	Trung Quốc	nt	Tốt	
54.	Nhiệt kế	Trung Quốc	nt	Tốt	
55.	Bình tỷ trọng	Trung Quốc	nt	Tốt	
56.	Ống đong các loại	Trung Quốc	nt	Tốt	
57.	Hộp nhôm, Dao thép, chổi lông...	Trung Quốc	nt	Tốt	
58.	Bộ phễu rót cát	Trung Quốc	nt	Tốt	
59.	Bộ thí nghiệm dao vòng	Trung Quốc	nt	Tốt	
60.	Thước đo bằng phẳng 3m	Trung Quốc	nt	Tốt	
61.	Thiết bị đo độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	Trung Quốc	nt	Tốt	
62.	Bộ sàng cốt liệu nhỏ bê tông, vữa D300	Trung Quốc	nt	Tốt	
63.	Bộ sàng cốt liệu lớn bê tông, vữa D300	Trung Quốc	nt	Tốt	
64.	Bộ sàng cấp phối đá dăm D300	Trung Quốc	nt	Tốt	
65.	Sàng xác định độ mịn xi măng	Trung Quốc	nt	Tốt	
66.	Khuôn uốn, nén vữa	Trung Quốc	nt	Tốt	
67.	Bộ thí nghiệm bentonite	Trung Quốc	nt	Tốt	
68.	Bộ phễu Marsh đo độ nhớt dung dịch polymer	Trung Quốc	nt	Tốt	
69.	Bộ khuôn uốn bê tông	Trung Quốc	nt	Tốt	

27

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

70.	Bộ khuôn đo co ngót bê tông	Trung Quốc	nt	Tốt	
71.	Dụng cụ, vật liệu phụ trợ khác		nt	Tốt	

3. Danh mục máy móc, thiết bị hiệu chuẩn

Stt	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện đo lường	Số hiệu	Đặc tính kỹ thuật	Ngày hiệu chuẩn	Ghi chú
1.	Đồng hồ so	2445881	Phạm vi đo: (0-10) mm. Vạch chia: 0,01mm	27/10/2025 hiệu lực đến 27/20/2026	Công ty CP Kiểm định hiệu chuẩn Khu vực 3
2.	Đồng hồ so	2300651	Phạm vi đo: (0-10) mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
3.	Đồng hồ so	2331441	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
4.	Máy thử nén – SYE-2000A	2404464	Phạm vi đo: (0-1000); (1000-2000)kN Vạch chia: 0,01; 0,1kN	nt	nt
5.	Máy thử nén – CBR-III	2404104	Phạm vi đo: (0-1000); (1000-2000)kN Vạch chia: 0,01; 0,1kN	nt	nt
6.	Cân điện tử - SW-30A	220155062	Mức cân lớn nhất: 30.000g Mức cân nhỏ nhất: 50g Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 1g	17/11/2025 hiệu lực đến 17/11/2026	nt
7.	Cân điện tử - TPS 15	222053	Mức cân lớn nhất: 15.000g Mức cân nhỏ nhất: 25.0g Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0.5g	nt	nt
8.	Cân điện tử - MT-BJS50002	0251	Mức cân lớn nhất: 5.000g Mức cân nhỏ nhất: 0.2g Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0.01g	nt	nt
9.	Cân điện tử - UCA-M	2241	Mức cân lớn nhất: 20.000g Mức cân nhỏ nhất: 25.0g Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0.5g	nt	nt
10.	Cân bàn điện tử	2023030077	Mức cân lớn nhất: 150kg Mức cân nhỏ nhất: 0.4kg Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0.02kg	nt	nt

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

11.	Cân điện tử - - KD-TBED-600	E708021100	Mức cân lớn nhất: 600g Mức cân nhỏ nhất: 0.2g Giá trị vạch chia nhỏ nhất: 0.01g	nt	nt
12.	Gông từ - KY-2	220591	Sức nâng: 7kg	nt	nt
13.	Máy đo điện trở tiếp đất – KEW4105A	E8255538	Phạm vi đo: (0-20); (0-200); (0-2000) Ω Vạch chia: 0.01; 0.1; 1 Ω	nt	nt
14.	Áp kế máy thử thấm – kiểu lò xo ống	912241	Phạm vi đo: (0-4)MPa Vạch chia: 0.05 MPa	nt	nt
15.	Tủ sấy – HN101-1	3451	Phạm vi đo: (0-300)°C Vạch chia: 10 °C	nt	nt
16.	Vòng lực – kiểu nén	12535	Phạm vi đo: (0-1,2)kN	nt	nt
17.	Kích thủy lực – MH-20	213	Khả năng tạo lực tối đa: (0-200)kN	nt	nt
18.	Đồng hồ so	178575	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
19.	Đồng hồ so	178557	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
20.	Đồng hồ so	8035218	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
21.	Đồng hồ so	176373	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
22.	Đồng hồ so	178010	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
23.	Đồng hồ so – 2046S	GHH446	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
24.	Đồng hồ so	176074	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
25.	Cần benkelman	N/A	Phạm vi đồng hồ: 10mm Giá trị vạch chia: 0.01mm	nt	nt
26.	Máy thử nén – LWD-3A	20716	Phạm vi đo: (0-50)kN Vạch chia: 0,01kN	nt	nt
27.	Máy thử nén - TYA-2000	300	Phạm vi đo: (0-1000); (1000-2000) kN Vạch chia: 0,01; 0.1kN	nt	nt
28.	Máy thử nén – TYA-300	20181009	Phạm vi đo: (0-300)kN Vạch chia: 0,01kN	nt	nt
29.	Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy – N-34	119214	Phạm vi đo: (10-100)R Vạch chia: 2R	nt	nt

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

30.	Máy đo độ cứng kim loại – Uee 912	A1455071024	Phạm vi đo: (17,9-69,5) HRC. Vạch chia: 0.1HRC	nt	nt
31.	Máy thử kéo nén – UTM-1000M	00075	Phạm vi đo: (0-1000)kN Vạch chia: 0,01kN	10/7/2025 hiệu lực đến 10/07/2026	nt
32.	Thước cặp – 2000-2005	N/A	Phạm vi đo: (0-150)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
33.	Máy đo độ dày kim loại – MT200	MT061805902	Phạm vi đo: (0-300)mm Vạch chia: 0,01mm	nt	nt
34.	Máy siêu âm định vị cốt thép trong bê tông – LR-G200	G172180103	Phạm vi đo: 200mm	nt	nt
35.	Máy đo độ bám dính của lớp phủ - ZQS6-2000A	2534	Phạm vi đo: (0-10)kN Vạch chia: 0,001kN	nt	nt
36.	Cờ lê lực – TS1000	1000201	Phạm vi đo: (200-1000)N.m Vạch chia: 10N.m	nt	nt
37.	Máy siêu âm định vị cốt thép trong bê tông – LR-G200	G172180103	Phạm vi đo: 200mm	23/09/2025	nt
38.	Cần Benkelman	N/A	Phạm vi đo đồng hồ: 10mm Giá trị vạch chia: 0.01mm	07/05/2026 hiệu lực đến 07/05/2027	Công ty CP KD Hiệu chuẩn Khu Vực 3
39.	Đồng hồ so	1063	Phạm vi đo: (0-10)mm Vạch chia: 0.01mm	nt	nt
40.	Kích thủy lực – MH-20	1203	Phạm vi đo: (0-600)kg/cm2 Giá trị vạch chia: 10kg/cm2	nt	nt
41.	Đồng hồ so	3802996	Phạm vi đo: (0-1)mm Giá trị vạch chia: 0.001mm	nt	nt
42.	Đồng hồ so	3802964	Phạm vi đo: (0-1)mm Giá trị vạch chia: 0.001mm	nt	nt
43.	Đồng hồ so	JLD202205018	Phạm vi đo: (0-12,7)mm Giá trị vạch chia: 0.01mm	nt	nt
44.	Máy siêu âm bê tông – C369N	C369N/AH/0070	Phạm vi đo: 3000μ Vạch chia: 0.1 μs	nt	nt

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

4. Danh mục máy móc, thiết bị kiểm định

Stt	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện đo lường	Số hiệu	Đặc tính kỹ thuật	Ngày kiểm định	Ghi chú
1.	Phương tiện thử độ bền nén – TYA-2000	300	Phạm vi đo: (0-999); (1000-2000)kN Độ phân giải: 0,01; 0,1kN	13/05/2026 hiệu lực đến 12/05/2027	Công ty CP Kiểm định hiệu chuẩn Khu vực 3
2.	Phương tiện thử độ bền kéo nén – UMT1000M	00075	Phạm vi đo: (0-1000)kN Độ phân giải: 0,01kN	nt	nt
3.	Phương tiện thử độ bền nén – TYA-300	20181009	Phạm vi đo: (0-300) kN Độ phân giải: 0,01kN	nt	nt
4.	Cân kỹ thuật – KD-TBED-600	E708021100	Mức cân lớn nhất (Max)600g Mức cân nhỏ nhất (Min): 0.2g (Độ phân giải 0.01g)	14/05/2026 hiệu lực đến 14/05/2027	Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Miền Đông
5.	Cân kỹ thuật – TM-BJS 50002	MĐ261156	Mức cân lớn nhất (Max)5000g Mức cân nhỏ nhất (Min): 0.5g (Độ phân giải 0.1g)	14/05/2026 hiệu lực đến 14/05/2027	Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Miền Đông
6.	Cân kỹ thuật – TPS MAX 313	TPS257024	Mức cân lớn nhất (Max)310g Mức cân nhỏ nhất (Min): 0.2g (Độ phân giải 0.001g)	18/05/2026 hiệu lực đến 18/05/2027	Công ty TNHH Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Việt
7.	Cân kỹ thuật – TPS MAX 3102	TPS2570166	Mức cân lớn nhất (Max)3100g Mức cân nhỏ nhất (Min): 5g (Độ phân giải 0.01g)	18/05/2026 hiệu lực đến 18/05/2027	Công ty TNHH Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Việt

5. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ, bằng cấp chuyên môn, chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm được giao
1	Trần Quang Trung 22/01/1996	Giám đốc (kiêm thí nghiệm viên)	- Đại học: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng – số hiệu 0000321 (cấp ngày 15/06/2021); - Chứng nhận thí nghiệm viên phương pháp xác định các tính	- Đại diện pháp luật và chịu trách nhiệm

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

			chất cơ – lý của Vật liệu kim loại và liên kết mối hàn. Số 17461-A17463B/VND-TNV; Chứng nhận thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng. Số 41/K31 TNCNXD (cấp ngày 11/11/2020); Chứng nhận tham dự đào tạo Nhận thức chung, đánh giá nội bộ và quản lý chất lượng PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 (cấp ngày 03/03/2026)	chung các hoạt động của Công ty; - Thí nghiệm cơ lý nhóm kim loại và liên kết hàn; - Thí nghiệm nhóm xi măng, vật liệu xây dựng, gạch các loại; - Thí nghiệm nhóm bê tông, cốt liệu bê tông và vữa, đất xây dựng; Thí nghiệm hiện trường;
2	Lê Ngọc Thảo 06/11/1997	Trưởng phòng thí nghiệm	- Đại học: Kỹ sư địa chất học – số hiệu 276503 (ngày cấp 19/06/2020) - Chứng nhận Thí nghiệm chuyên ngành giao thông – số 00441-A00443B/VND-TNV (ngày cấp 17/04/2023) - Chứng chỉ QLPTN – Số 2024/QL3-026/VKHCN (ngày cấp 06/08/2024) Chứng nhận tham dự đào tạo thức chung và đánh giá nội bộ HTQLPTN theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 (cấp ngày 03/03/2026)	- Quản lý chung hoạt động phòng thí nghiệm. - Hồ sơ về thủ tục pháp lý của phòng; - Quản lý nhân sự PTN; - Thí nghiệm hiện trường nhóm chỉ tiêu giao thông; - Thí nghiệm bê tông nhựa, nhựa bitum, nhựa đường polime, nhựa đường lỏng, nhũ tương nhựa đường axit, bột khoáng bê tông nhựa, vải địa, bắc thăm, vỏ bọc bắc thăm. Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng và hiện trường;
3	Nguyễn Minh Tiến 31/07/1994	Phó phòng thí nghiệm	- Đại học: Kỹ sư cấp thoát nước – số hiệu: 454233 (ngày cấp 30/12/2016); - Chứng nhận Thí nghiệm viên phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường – số 17461-A17463B/VND-TNV (ngày cấp 11/11/2020)	- Hỗ trợ Trưởng phòng về hồ sơ thí nghiệm, thủ tục pháp lý; - Quản lý nhân sự PTN - Thí nghiệm hỗn hợp bê tông nhựa, nhựa bitum, nhựa đường

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

			- Chứng nhận tham dự đào tạo Nhận thức chung, đánh giá nội bộ và quản lý chất lượng PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 (cấp ngày 03/03/2027)	- Thí nghiệm hiện trường.
4	Đỗ Đức Linh 20/08/1995	Thí nghiệm viên	- Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông – Số hiệu: 009772 (cấp ngày 26/11/2013) - Chứng nhận Thí nghiệm vật liệu xây dựng – số 9546-A4174B/VND-TNV (ngày cấp 14/04/2022) - Chứng nhận Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông – số 0047-A00449B/VND-TNV (ngày cấp 17/04/2023) - Chứng nhận tham dự đào tạo thức chung và đánh giá nội bộ HTQLPTN theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 (cấp ngày 03/03/2026)	- Thí nghiệm hiện trường nhóm các chỉ tiêu giao thông; - Thí nghiệm bê tông nhựa, nhựa bitum, nhựa đường polime, nhựa đường lỏng, nhũ tương nhựa đường axit, bột khoáng bê tông nhựa, vải địa, bắc thăm, vỏ bọc bắc thăm; - Thí nghiệm nhóm vật liệu xây dựng các loại.
5	Đỗ Gia Huy 18/01/2000	Thí nghiệm viên	- Đại học: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng – số hiệu E0001053 - Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông – số 025.03.21/VKHCN-TNV (ngày cấp 23/04/2021) - Chứng nhận tham dự đào tạo thức chung và đánh giá nội bộ HTQLPTN theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 (cấp ngày 03/03/2026)	- Thí nghiệm hiện trường, trong phòng nhóm các chỉ tiêu giao thông; - Thí nghiệm bê tông nhựa, nhựa bitum, nhựa đường polime, nhựa đường lỏng, nhũ tương nhựa đường axit, bột khoáng bê tông nhựa, vải địa, bắc thăm, vỏ bọc bắc thăm;
6	Trần Tấn Đạt 04/01/1996	Thí nghiệm viên	- Đại học: Cử nhân địa chất học – số hiệu/No: QH24201800846 (ngày cấp: 29/09/2018) - Chứng nhận Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng – số 43/K31 TNCNXD (ngày cấp 04/10/2018)	- Thí nghiệm nhóm vật liệu xây dựng các loại. - Hỗ trợ thí nghiệm cơ lý đất trong phòng và hiện trường.
7	Nguyễn Đặng Yến Nhi 16/01/1997	Thí nghiệm viên	- Đại học: Kỹ sư địa chất học – số hiệu: 276493 (ngày cấp 19/06/2020)	- Hỗ trợ thí nghiệm cơ lý đất trong phòng và hiện trường.

CÔNG BỐ NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

				- Hỗ trợ các hoạt động thí nghiệm khác.
8	Lê Trung Hưng 02/01/2000	Thí nghiệm viên	- Đại học: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng – số hiệu: 0000773 (ngày cấp 04/07/2023)	- Hỗ trợ thí nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng các loại. - Hỗ trợ các hoạt động thí nghiệm trong phòng và hiện trường khác.

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của nội dung thông tin công bố kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có bất kỳ các thay đổi nào so với công bố, Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương sẽ kịp thời cập nhật và thông tin đến các bên quan tâm.

Tất cả các nội dung trong Đơn đăng ký này được công bố công khai trên trang thông tin của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương tại địa chỉ <https://kiemdinhxaydungbinhduong.com>

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Bình Dương kính đề nghị Sở xây dựng tiếp nhận và đăng tải thông tin đăng ký công bố công khai nêu trên tại trang thông tin điện tử của Sở xây dựng.

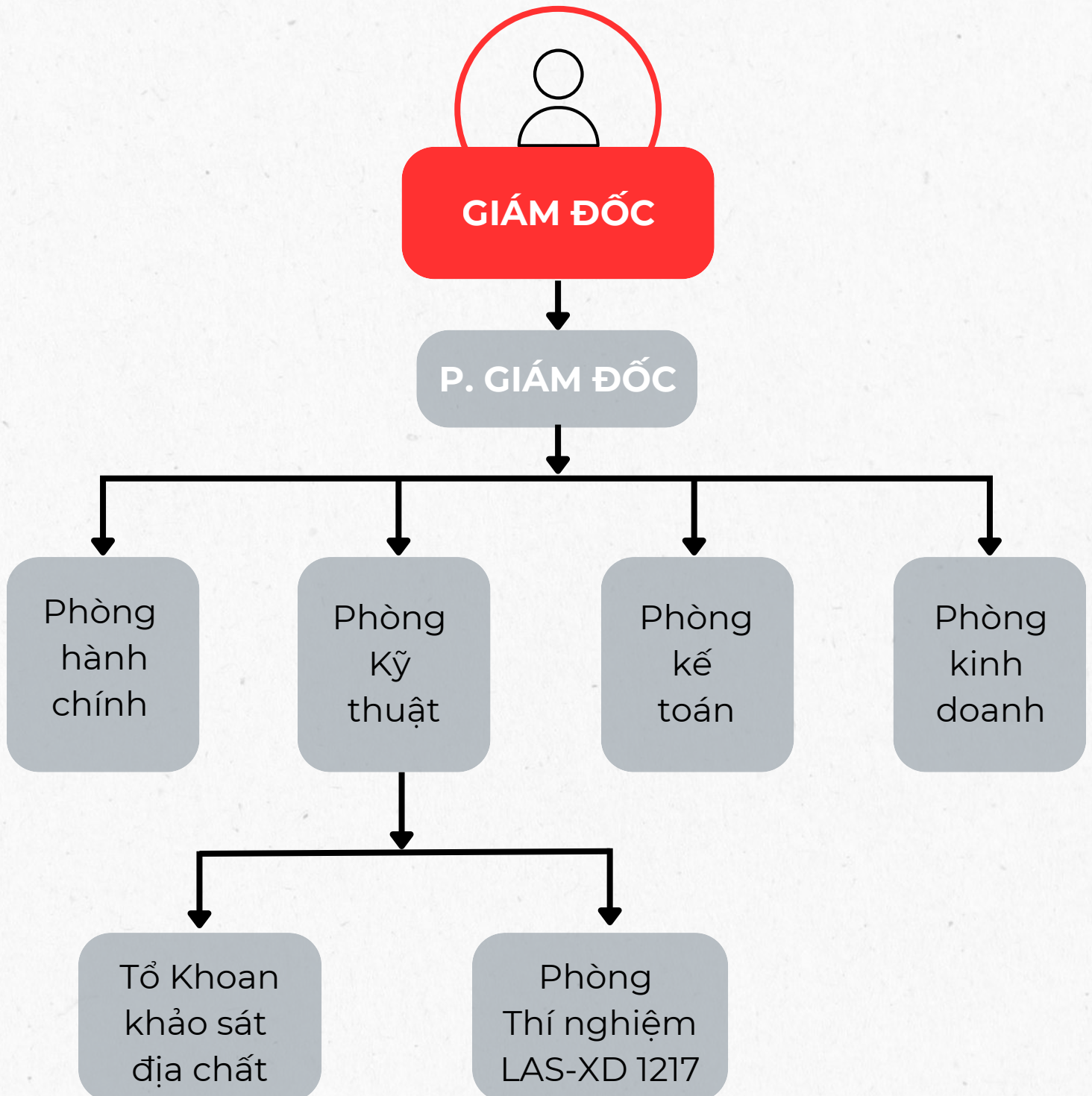
Trân trọng,

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC**



TRẦN QUANG TRUNG

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



BỘ Kỹ Thuật

CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy, xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

BDG-00116817

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-SXD ngày 09/01/2024)

THÔNG TIN CÁ NHÂN

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Trần Tấn Đạt
Ngày tháng năm sinh: 04/01/1996
Số CMND (Hoặc hộ chiếu): 080096005923
Cấp ngày: 04/08/2022 tại: Cục cảnh sát Quản lý
hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Quốc gia TPHCM - Trường
Đại học Khoa học tự nhiên
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Địa chất

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa hình	II	Từ 04/01/2024 đến 04/01/2029
2	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 04/01/2024 đến 04/01/2029

Bình Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bố Kỹ Thuật

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Nguyễn Đặng Yến Nhi
Ngày tháng năm sinh: 16/01/1997
Số CMND (Hoặc hộ chiếu): 058197003853
Cấp ngày: 04/07/2022 tại: Cục cảnh sát Quản lý
hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Tài nguyên và Môi trường
TP. HCM
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Địa chất học

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa hình	III	Từ 04/01/2024 đến 04/01/2029
2	Khảo sát địa chất công trình	III	Từ 04/01/2024 đến 04/01/2029

Bình Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bổ Kỹ Thuật

CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: BXD-00001104

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-HĐND-CN ngày 08/05/2017)

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **VÕ THANH LONG**
Ngày tháng năm sinh: **12/10/1974**
Số CMND (hoặc hộ chiếu): **340943842**
Cấp ngày: **28/4/2011** tại **CA Đồng Tháp**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Bách khoa TP HCM**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư địa chất**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình địa chất thủy văn	1	Từ 08/05/2017 đến 08/05/2022
2			
3			
4			
5			

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2017

CỤC TRƯỞNG



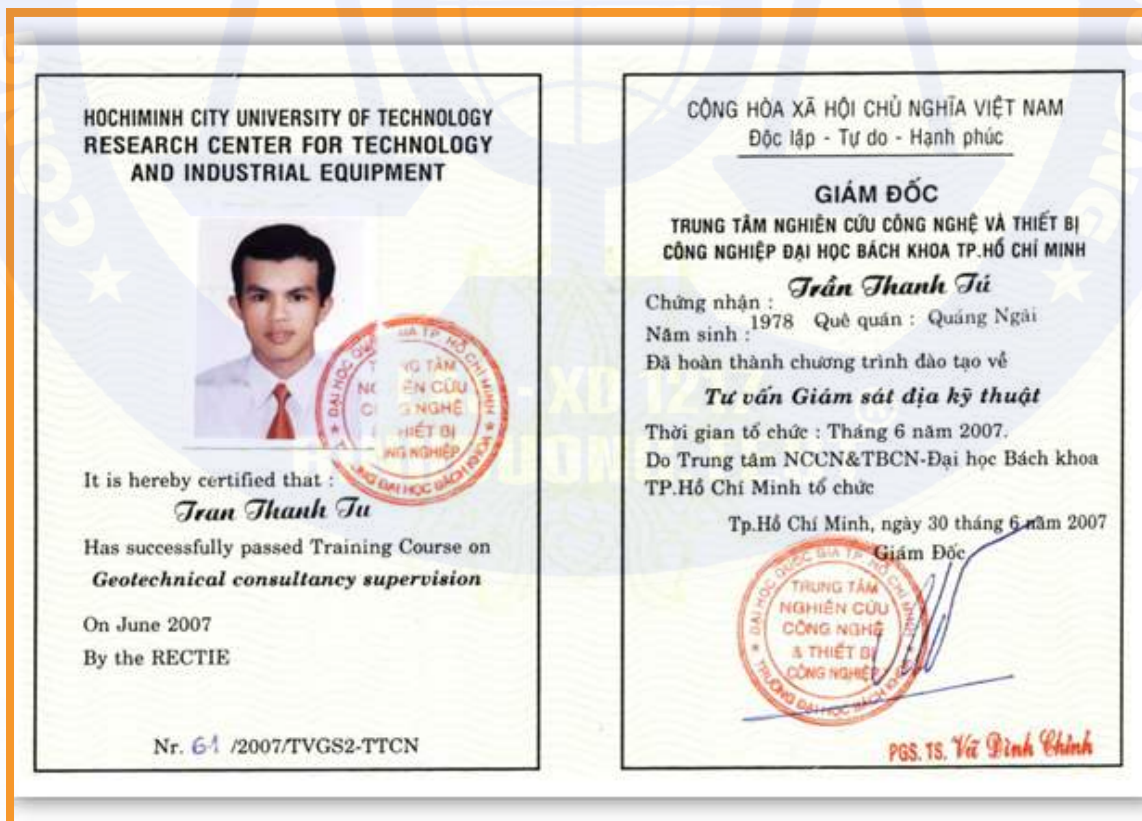
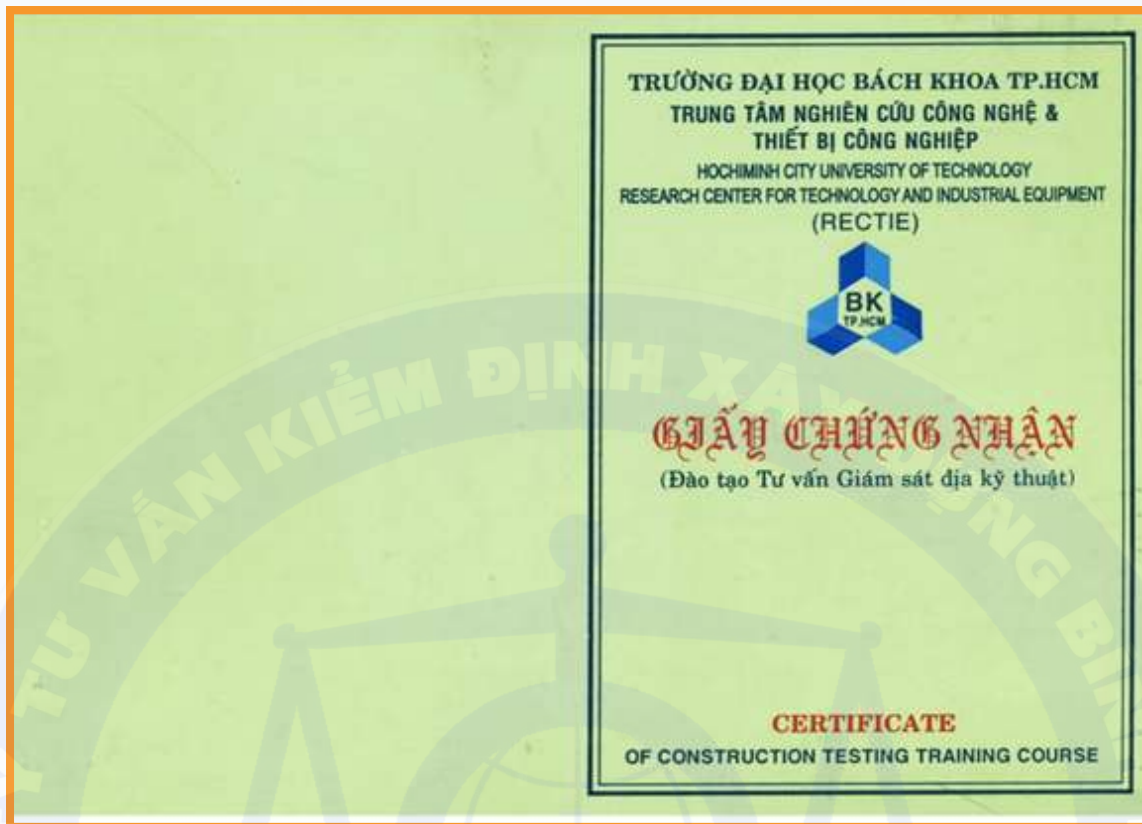
TS. Bùi Trung Dung

CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ: - Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này. - Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan. - Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề. - Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này. - Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG Số: BXD-00001064 <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-HDXD-CN ngày 08/05/2017)</i>
--	---

THÔNG TIN CÁ NHÂN  Chữ ký của người được cấp chứng chỉ Họ và tên: TRẦN THANH TÚ Ngày tháng năm sinh: 10/10/1978 Số CMND (hoặc hộ chiếu): 212059540 Cấp ngày: 16/02/2008 tại CA Quảng Ngãi Quốc tịch: Việt Nam Cơ sở đào tạo: Đại học Bách khoa TP HCM Hệ đào tạo: Chính quy Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật	Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Lĩnh vực hành nghề</th> <th>Hạng</th> <th>Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</td> <td>I</td> <td>Từ 08/05/2017 đến 08/05/2022</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2017 CỤC TRƯỞNG  TS. Bùi Trung Dung	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn	1	Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình	I	Từ 08/05/2017 đến 08/05/2022	2				3				4				5			
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn																						
1	Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình	I	Từ 08/05/2017 đến 08/05/2022																						
2																									
3																									
4																									
5																									

CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ: - Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này. - Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan. - Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề. - Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này. - Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG Số: BXD-00124319 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 36/QĐ-HDXD-CN ngày 10/11/2021)								
THÔNG TIN CÁ NHÂN  Chữ ký của người được cấp chứng chỉ Họ và tên: Nguyễn Khánh Trình Ngày tháng năm sinh: 08/6/1983 Số CMND (hoặc hộ chiếu): 001083034226 Cấp ngày: 15/10/2019 tại Cục cảnh sát Quốc tịch: Việt Nam Cơ sở đào tạo: Đại học Mỏ - Địa chất Hệ đào tạo: Chính quy Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất thủy văn, địa chất công trình	Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Lĩnh vực hành nghề</th> <th>Hạng</th> <th>Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Khảo sát địa chất công trình</td> <td>I</td> <td>từ 10/11/2021 đến 10/11/2026</td> </tr> </tbody> </table> Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2021 CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TS. Hoàng Quang Nhu	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn	1	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 10/11/2021 đến 10/11/2026
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn						
1	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 10/11/2021 đến 10/11/2026						

CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN



LAS - XD 1217[®]
BINHDUONG.TEST

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

The logo for BECIMEX, featuring the company name in white capital letters on an orange square background.The logo for ACB, featuring the letters 'ACB' in blue, with a small blue circle above the 'C'.The logo for biconsil, featuring a red square icon with a white grid pattern and the word 'biconsil' in red lowercase letters.The logo for BIDV, featuring the letters 'BIDV' in green, followed by a yellow star icon.The logo for BCE, featuring the letters 'BCE' in blue, followed by a blue and white stylized arrow icon.The logo for VPMATER, featuring the letters 'VPMATER' in blue and green, with a stylized 'V' and 'M'.The logo for IMPCO, featuring the letters 'IMPCO' in blue, with the text 'CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ' below it.The logo for KUMHO TIRE, featuring the text 'KUMHO TIRE' in black, with a red '7' icon.

QUY TRÌNH THỰC HIỆN KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

01

TIẾP NHẬN NHIỆM VỤ & LẬP KẾ HOẠCH

Nhận nhiệm vụ, lập phương án kỹ thuật và ký hợp đồng.

02

CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI KHOAN

Kiểm tra thiết bị, nhân lực, vật tư và điều kiện hiện trường.

03

KHOAN THĂM DÒ

Thực hiện khoan theo đúng quy trình kỹ thuật.

04

THU MẪU & KẾT THÚC

Lấy mẫu đất, đá; bảo quản và hoàn tất lỗ khoan.

05

NGHIỆM THU

Đánh giá và nghiệm thu kết quả khoan khảo sát.

06

BÀN GIAO HỒ SƠ

Lập báo cáo, bàn giao hồ sơ và thanh lý hợp đồng.

DỰ ÁN TIÊU BIỂU

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: CẦU VƯỢT AN PHÚ BÌNH DƯƠNG

Vị trí: Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: TRẠM THU PHÍ PHÚ LONG

Vị trí: Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU

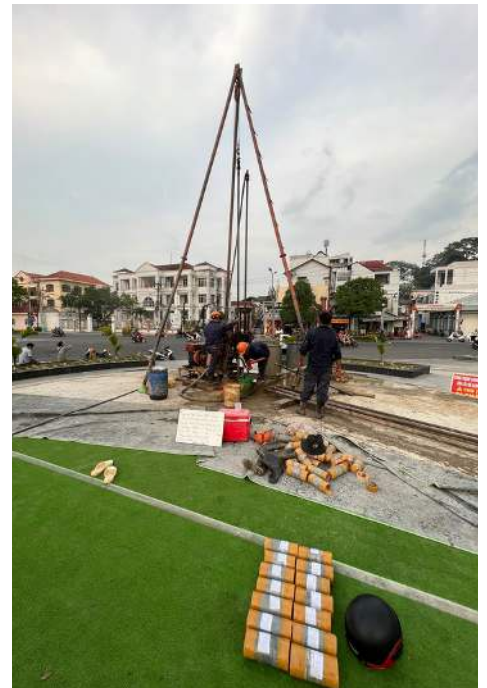


CÔNG TRÌNH: CỔNG CHÀO BÌNH DƯƠNG - TRẠM THU PHÍ VĨNH BÌNH

Vị trí: Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: BIỂU TƯỢNG BẠCH ĐẰNG - THỦ DẦU MỘT

Vị trí: Đường Bạch Đằng , P. Phú Cường , TP Thủ Dầu Một , Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: KHU DU LỊCH HỒ NAM

Vị trí: Ấp Phước Thái, P. Thái Hòa, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: NHÀ KHO ACB - BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG

Vị trí: Lô A1, KCN VSIP II, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hạng mục: Khoan khảo sát địa chất

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: KHU DÂN CƯ ĐẠI NAM

Vị trí: P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

Quy mô: Hơn 150 ha

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đại Nam



CÔNG TRÌNH: KHU NHÀ Ở NGỌC LỄ

Vị trí: TP. Thuận An, Bình Dương

Quy mô: 1.4 ha

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Ngọc Lễ



CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY ĐÁ THẠCH ANH CAO CẤP PHÚ TÀI

Vị trí: KCN Dệt may Vinatex, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Quy mô: 4 ha

Chủ đầu tư: Công ty CP Phú Tài



CÔNG TRÌNH: KHU NHÀ Ở PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THỊNH GIA

Vị trí: P. Tân Định, TX. Bến Cát, T. Bình Dương

Quy mô: 40 ha

Chủ đầu tư: Công ty TNHH TM và TV Ngọc Điền

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở ASXH BECAMEX - KDC VIỆT SING

Vị trí: Tp. Thuận An tỉnh Bình Dương

Quy mô: 4.5 ha

Chủ đầu tư: Becamex BCE



CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH OVI CABLES (VN)

Vị trí: KCN Mỹ Phước 2, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Quy mô: 10 ha

Chủ đầu tư: Công ty CP AZB



CÔNG TRÌNH: XƯỞNG THỰC TẬP SINH VIÊN

Vị trí: Khu Đô Thị Mới - Thuộc Khu Liên Hợp CN DV ĐT Bình Dương

Quy mô: 5 ha

Chủ đầu tư: Becamex IDC



CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG NHÀ MÁY ABI VSIP 2

Vị trí: Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bia Anheuser - Busch Inbev

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG NHÀ MÁY ABI MỸ PHƯỚC 2

Vị trí: TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bia Anheuser - Busch Inbev



CÔNG TRÌNH: ĐT749A

Vị trí: Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng huyện Dầu Tiếng



CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THPT THANH TUYỀN

Vị trí: Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng huyện Dầu Tiếng



CÔNG TRÌNH: GREENFIELD SHOOL

Vị trí: Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần GF Education Invest

DỰ ÁN TIÊU BIỂU



CÔNG TRÌNH: BÃI SỐ 6 VÀ BÃI SỐ 7

Vị trí: Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Chủ đầu tư: Công ty CP cảng Đồng Nai



CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI – KCN MỸ PHƯỚC 3

Vị trí: Trạm KCN Mỹ Phước 3, TX. Bến Cát, Bình Dương

Chủ đầu tư: Becamex IDC



CÔNG TRÌNH: SENTOSA VILLA

Vị trí: Phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh



CÔNG TRÌNH: BIỂU TƯỢNG BẠCH ĐẰNG

Vị trí: P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Thành Phố Thủ Dầu Một

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	TÊN, LOẠI DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC THỰC HIỆN	ĐỊA ĐIỂM, QUY MÔ, DỰ ÁN VÀ CẤP CÔNG TRÌNH	TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	NĂM THỰC HIỆN
1.	Bãi số 7	Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Công ty Cổ phần cảng Đồng Nai	2022
2.	Khu nhà ở Thịnh Gia	Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	2022
3.	Nâng Cấp, Mở Rộng Quốc Lộ 13	Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2022
4.	Cổng Chào Bình Dương - Trạm Thu Phí Vĩnh Bình	Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2022
5.	Văn Phòng Khu Phố Đông Tân	Phường Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Ủy Ban Nhân Dân Phường Dĩ An	2022
6.	Găng Tay Y Tế Xanh	Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Công TNHH Sản Xuất Mủ Cao Su Lớp Kumho VN	2022
7.	Đầu Tư Trụ Sở Cục Quản Lý Thị Trường Tỉnh Bình Dương	Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Cục Quản Lý Thị Trường Tỉnh Bình Dương	2022
8.	CSHT – KCN Bàu Bàng	Huyện Bàu Bàng, Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp - CTCP Becamex IDC	2022

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

9.	Cải Tạo, Nâng Cấp, Mở Rộng Trường Trung Học Cơ Sở Định Hòa	Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng TP Thủ Dầu Một	2022
10.	Khu Chung Cư Cao Tầng Kết Hợp Thương Mại Dịch Vụ,Văn Phòng	Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Đầu Tư Kim Sơn	2022
11.	Phòng Khám Đa Khoa Vsip 1	Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2022
12.	Chợ An Lập _Giai Đoạn 2	Huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Ban Quản Lý Dự Án Đầu tư Xây dựng huyện Dầu Tiếng	2022
13.	Công trình hộ kinh doanh APC	Tp. Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương	Hộ kinh doanh APC	2023
14.	Công Ty TNHH Continental (Tân Châu)	Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Công Ty TNHH Continental (Tân Châu)	2023
15.	Xây Dựng nhà xưởng công ty VP Components (Việt Nam)	Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Công ty TNHH Components (Việt Nam)	2023
16.	Khu du lịch sinh thái Hồ Nam	Tp. Tân uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty cổ phần Lê Sinh	2023
17.	Nhà máy của công ty TNHH Công Nghiệp Aurea	Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước	Công ty TNHH Công Nghiệp Aurea	2023

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

18.	Công Ty TNHH TDCH Plastic & Hardware	Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Công Ty TNHH TDCH Plastic & Hardware	2023
19.	Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa và khuôn kim loại	Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Hong Kong Yu Industrial Limited	2023
20.	Công ty TNHH TSWEN HOEI Việt Nam	TP. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Công ty TNHH TSWEN HOEI Việt Nam	2023
21.	Trụ sở làm việc ngân hàng Á Châu – PGD Tân Uyên	Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	2023
22.	Công ty TNHH Vân Tường Mỹ	Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Vân Tường Mỹ	2023
23.	Nhà máy gạch ngói Việt Đức	Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty cổ phần gạch ngói Đồng Nai	2023
24.	Nhà xưởng SHIIN INTELLIGEN (VN) Company	Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh	Công Ty TNHH Shjin Intelligent Việt Nam	2023
25.	Hệ Thống Cấp Nước Khu Vực Bàu Bàng Thuộc H. Bàu Bàng, T. Bình Dương Công Suất 350.000 M ³ /Ngày Đêm	Thị trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một	2023
26.	Công Ty TNHH Công Nghiệp DEMAX	Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước	Công Ty TNHH Công Nghiệp DEMAX	2023

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

27.	Nhà Xưởng Sản Xuất	Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Ngũ Kim Đoàn Kết	2023
28.	Nhà Máy Nước Chơn Thành Giai Đoạn 3 Công Suất 29.500 M ³ /Ngày.Đêm	Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Công Ty CP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương	2024
29.	Sản Xuất Dây Khoá Kéo HSD (Việt Nam)	Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Công Ty TNHH Công Nghệ HSD ZIPPER (VIỆT NAM)	2024
30.	Nhà Máy Sản Xuất, Gia Công, Lắp Đặt Kết Cấu Thép	Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Công Ty Cổ Phần Phụ Kiện Và Nhà Thép Nhất	2024
31.	Cở Sở Gia Công Cơ Khí	Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Ông Lê Văn Dàng	2024
32.	TFS FACTORY	KCN Sóng Thần 3, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Điện Tự Động Thuận Nhật	2024
33.	Nhà Xưởng Sản Xuất, Gia Công Bao Bì Giấy Carton	Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Ông Hầu Dương Cát	2024
34.	DA0362 -Chung Cư Nhà Ở Xã Hội Khu 5 Định Hòa	P. Định Hoàn, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2024
35.	Cầu vượt Nút giao Phước Kiến	Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2024

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

36.	CT129 – CPXD - Nhà Ở The One Residence	Khu Tái Định Cư Hoà Lợi	Tổng Công Ty ĐT&PT Công Nghiệp -CTCP Becamex IDC	2024
37.	Nhà Máy Công Ty TNHH ANCTEK Việt Nam	KCN Giang Điền, Đồng Nai	Công Ty TNHH ANCTEK Việt Nam	2024
38.	Nhà Xưởng Công Ty TNHH CASTEC VINA Giai Đoạn4	Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH CASTEC VINA	2024
39.	Nhà Xưởng Hộ Kinh Doanh Lan Phương	Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Hộ Kinh Doanh Lan Phương	2024
40.	Khu Nhà Phố Thương Mại (27 Căn) Thuộc Khu Dân Cư Nguyễn Văn Tiết	Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Mtv Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương (IMPCo)	2024
41.	Chợ Và Khu Nhà Ở Thương Mại Công Ty Tnhh Quang Vinh	Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Quang Vinh	2024
42.	Nhà Xưởng Sản Xuất	Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh	Công Ty Cyber Ford Limited	2024
43.	Nhà Máy Công Ty TNHH Chrysanthemum Việt Nam – Giai Đoạn 2	Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Chrysanthemum Việt Nam	2024
44.	Chùa Nghĩa Hòa	Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Chùa Nghĩa Hòa	2024

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

45.	Nhà Máy Công Ty TNHH Sung Shin Solution (Việt Nam)	Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Sung Shin Solution (Việt Nam)	2024
46.	Nhà Xưởng Lô A10-4	KCN Chơn Thành 1, Tỉnh Bình Phước	Công Ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital	2024
47.	Nhà Xưởng Lô A7-8	KCN Chơn Thành 1, Tỉnh Bình Phước	Công Ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital	2024
48.	Nhà Máy Công Ty TNHH Quốc Tế Great JD - Giai Đoạn 2	Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Quốc Tế Great JD	2024
49.	Nhà Kho Chứa Nông, Lâm Sản Và Vật Tư Ngành Xây Dựng	Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Ông Nguyễn Thành Công	2024
50.	Dự án công ty TNHH COMPASS II	Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH COMPASS II	2025
51.	Nhà Máy 2 Của Công Ty TNHH Astro Engineering Việt Nam	Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Astro Engineering Việt Nam	2025
52.	Dự Án Nhà Máy Sản Xuất Sản Phẩm Cơ Khí Greatpower Tools Việt Nam	Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Công Ty TNHH Greatpower Tools Việt Nam	2025
53.	Nhà Xưởng Sản Xuất	Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH RT Industries	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

54.	Nhà Thờ Giáo Xứ Tân Hưng	Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước	Giáo Xứ Tân Hưng	2025
55.	Nhà Máy Công Ty TNHH Jia Xing Việt Nam	Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Công Ty TNHH Jia Xing Việt Nam	2025
56.	Công Ty TNHH Vật Liệu Mới Jiu Zhou	Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công Ty TNHH Vật Liệu Mới Jiu Zhou	2025
57.	Công Ty TNHH Huize Việt Nam	Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Công Ty TNHH Huize Việt Nam	2025
58.	Nhà Xưởng Sản Xuất	Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Công Ty TNHH Bao Bì Cường Đại	2025
59.	Trend Tie And Garments Vietnam Company Limited	Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Trend Tie And Garments Vietnam Company Limited	2025
60.	Nhà Máy Nước Mặt Dầu Tiếng Công Suất 20.000 M3/Ngày Đêm	Thị Trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương	Công Ty CP- Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương	2025
61.	Nâng Cấp, Cải Tạo Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thuận An	Phường Lái Thiêu, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng, Thành Phố Thuận An	2025
62.	Bến Thủy Nội Địa Kết Hợp Công Trình Dịch Vụ - Thương Mại Hỗ Trợ Vĩnh Phú	Phường Vĩnh Phú, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Hộ Kinh Doanh An Lâm Resort 2	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

63.	Trạm Bơm Tăng Áp Tân Thành	Thị trấn Tân Thành, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty CP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương	2025
64.	Nhà Xưởng Gia Công, Lắp Ráp Giường, Tủ, Bàn, Ghế	Phường Tân Hiệp, Tp Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Hộ Kinh Doanh Hồ Văn Tâm	2025
65.	Cải Tạo Công Nghệ Cụm Xử Lý Giai Đoạn 1 - Nhà Máy Nước Dĩ An	Phường An Phú, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Công Ty CP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương	2025
66.	Siêu Thị Vật Liệu Xây Dựng Tổng Hợp	KCN Chợ Thành I, Phường Thành Tâm, Thị Xã Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Tổng Hợp Chợ Thành	2025
67.	Phân Xưởng Công Ty TNHH Kangping Technology (Việt Nam)	KCN Việt Nam - Singapore II, Phường Hoà Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Kangping Technology (Việt Nam)	2025
68.	Nhà Kho Công Ty TNHH Bao Bì Gia Long	Phường Mỹ Phước, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Bao Bì Gia Long	2025
69.	Nhà Xưởng Sản Xuất Bích Ngọc	Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Hộ Kinh Doanh Bích Ngọc	2025
70.	Nhà Xưởng Sản Xuất J&B Vietnam Holding Ltd	Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước	J&B Vietnam Holding Ltd	2025
71.	Nhà Máy Gia Công Gỗ Nội Thất Khung Giường, Tủ, Bàn, Ghế	Thửa Đất 22, Tờ Bản Đồ Số 04, Ấp Tân Lợi, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Xây Dựng Tân Uyên Fico	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

72.	Nhà Xưởng Sản Xuất Gỗ Phúc Minh	Ấp Bưng Thuốc, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Gỗ Phúc Minh	2025
73.	Nhà Xưởng Cho Thuê	Thửa Đất 24, Tờ Bản Đồ 42, Xã Lai Hưng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH XNK Long Thịnh Hoàng	2025
74.	Nhà Xưởng Chi Nhánh Công Ty TNHH Công Nghiệp Bai Yuan Việt Nam	KCN Nam Tân Uyên, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Công Nghiệp Bai Yuan Việt Nam	2025
75.	Cửa Hàng Bán Lẻ Xăng Dầu 568	Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đăng Kiểm Uyên Hưng	2025
76.	Nhà Máy Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Mạnh Tươi	Một Phần Của Block F3-F7, Kcn Đồng Xoài Ii, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Mạnh Tươi	2025
77.	Đầu Tư Xây Dựng Cảng Phước An – Phân Kỳ 1	KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	Công Ty Cổ Phần Dầu Khí Đầu Tư Khai Thác Cảng Phước An	2025
78.	Tòa Nhà Văn Phòng - Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Hải Dương	KCN Rạch Bắp, Phường Tây Nam, Tp Hồ Chí Minh	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Hải Dương	2025
79	Nhà Máy Điện Rác Biwase Công Suất 24mw Giai Đoạn 1 Công Suất 12mw	Khu Liên Hợp Xử Lý Chất Thải Rắn Nam Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh	Công Ty Cp – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương	2025
80.	Nhà Máy Của Công Ty TNHH Tayu Star	Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, Xã Tân Khai, Tỉnh Đồng Nai	Công Ty TNHH Tayu Star	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

81.	Gia Công Cơ Khí	Phường Tân Hiệp, Thành Phố Hồ Chí Minh	Hộ Kinh Doanh Nguyễn Văn Công	2025
82.	Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới	Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đăng Kiểm Uyên Hưng	2025
83.	Nhà Ở Tư Nhân	679 Nguyễn Tri Phương, Phường Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Ông Võ Hồng Cường	2025
84.	Công Ty Cổ Phần An Bình	Phường An Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Công Ty Cổ Phần An Bình	2025
85.	Nhà Xưởng Sản Xuất Ruby	Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Hộ Kinh Doanh Bích Ngọc	2025
86.	Nhà xưởng cho thuê	Thửa Đất 24, Tờ Bản Đồ 42, P. Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH XNK Long Thịnh Hoàng	2025
87.	Công ty Cổ Phần An Bình	Số 10, Đường Đại Lộ Độc Lập, KP. Bình Đường 1, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	Công ty Cổ Phần An Bình	2025
89.	Nhà ở tư nhân	679 Nguyễn Tri Phương, P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	Ông Võ Hồng Cường	2025
90.	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu 568	TĐS 2941, TBĐS 42, P. Uyên Hưng, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đăng Kiểm Uyên Hưng	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

91.	Trang bị biển quảng cáo tấm lớn năm 2025 - Trung tâm kinh doanh VNPT Bình Dương	Cung cấp Dịch vụ viễn thông Hòa Lợi 2 - Đường Võ Nguyên Giáp, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Kinh Doanh VNPT – Bình Dương	2025
92.	Nhà máy công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Mạnh Tươi	Một phần Cửa Block F3-F7, KCN Đồng Xoài II, P. Đồng Xoài, T. Đồng Nai	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Mạnh Tươi	2025
93.	Pano quảng cáo	TĐS 7, TBĐS 42, X. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai	Công ty Cổ Phần Dầu Khí Đầu Tư Khai Thác Cảng Phước An	2025
94.	Tòa nhà văn phòng - công ty Cổ phần Quốc Tế Hải Dương	KCN Rạch Bắp, P. Tây Nam, TP. Hồ Chí Minh	Công ty Cổ Phần Quốc Tế Hải Dương	2025
95.	Nhà máy điện rác BIWASE công suất 24MW GD1 công suất 12MW	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi Trường Bình Dương	2025
96.	Gia công cơ khí	TĐS 1310, TBĐS 34, P. Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Công	2025
97.	Nhà máy Công ty TNHH TAYU STAR	KCN Minh Hưng - SIKICO, X. Tân Khai, T. Đồng Nai	Công ty TNHH TAYU STAR	2025
98.	Nhà xưởng CN Công ty TNHH Công Nghiệp Bai Yuan Việt Nam	KCN Nam Tân Uyên, P. Uyên Hưng TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Công Nghiệp Bai Yuan Việt Nam	2025
99.	Nhà Máy Công ty TNHH Posaz	KCN Chợ Thành 1, T. Đồng Nai	Công ty TNHH Posaz	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

100.	Nhà phố	Số nhà 98, Đ. Trương Công Định, P. Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh	Bà Bùi Thị Lan	2025
101.	Nhà xưởng công ty TNHH Golden Vietnamtex	KCN Bàu Bàng, X. Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Golden Vietnamtex	2025
102.	Nhà máy chế biến gạo Chất Lượng Cao Vì Dân	Quốc Lộ 61, X. Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ	Công ty Cổ Phần Gạo Vì Dân	2025
103.	Khu nhà ở xã hội Toàn Mỹ - Bình Dương	P. Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh	Công ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	2025
104.	Nhà máy chế biến gỗ	TĐS 184, TBĐS 36, TĐS 111, TBĐS 33, X. Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Hưng Phát	2025
105.	Nhà xưởng - giai đoạn 2	KCN Việt Nam-Singapore II-A, P. Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Plasticolors VietNam	2025
106.	Nhà ở riêng lẻ	TĐS 480, TBĐS 281, KĐC Việt Sing, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Bà Lê Thị Hồng Khang	2025
107.	Cải tạo và nâng cấp hệ thống trạm xử lý nước thải cho công ty TNHH Crystal Elegance Textiles Việt Nam	Khu sản xuất Bình Chuẩn, P. Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Crystal Elegance Textiles Việt Nam	2025
108.	Nhà xưởng sản xuất	Lô F11, Đường Số 6, KCN Hòa Bình, Ấp 7, X. Thủ Thừa, T. Tây Ninh	Công ty TNHH Giải Pháp Và Sức Khỏe Dmaster	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

109.	Nhà xưởng sản xuất	Lô 116C-117A, Đ. Số 9, CCN Hải Sơn Đức Hòa Đông, X. Mỹ Hạnh, T. Tây Ninh	Công ty Thiết Bị Rui Quan	2025
110.	Nhà xưởng sản xuất	Thửa Đất 556, Số 20, Xã Thường Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh	Công ty TNHH SX TM DV Hoa Lợi	2025
111.	Nhà xưởng sản xuất	KCN Nam Thuận, X. Mỹ Hạnh, T. Tây Ninh	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Tài Môn	2025
112.	Nhà ở biệt thự	A62-63 Oasis 1, P. An Phú, TP. Hồ Chí Minh	Ông Nguyễn Văn Long	2025
113.	Nhà xưởng sản xuất	Lô B1-8-1, Đ. N2A&D2, KCN Hựu Thạnh, X. Đức Hòa, T. Tây Ninh	Công ty TNHH Tenglu Tech Việt Nam	2025
114.	Nhà xưởng Công ty TNHH Thương mại Thịnh Kiệt	Đ N4, Đ. số 5, KCN Sóng Thần 3, P. Bình Dương TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại Thịnh Kiệt	2025
115.	Nhà ở tư nhân	KDC Thuận Giao, P. Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh	Ông. Lương Nguyễn Minh Đăng	2025
116.	Dự án sản xuất Công ty TNHH FLYEAGLE KNITTING Việt Nam	Lô B6, Đ. C4, KCN Thành Thành Công, P. Trảng Bàng, T. Tây Ninh	Công ty TNHH FLYEAGLE KNITTING Việt Nam	2025
117.	Công ty TNHH Chi Yang Ribbon	Lô C_4D_CN, KCN Mỹ Phước 3, P. Thới Hào, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Chi Yang Ribbon	2025
118.	Nhà xưởng cơ khí và công trình phụ trợ	TĐS 798, TBĐS 33, P. Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	HKD. Trần Lê Phương	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

119.	Nhà xưởng cho thuê	Đ. D1, CCN Tiến Hưng 1, P. Bình Phước, T. Đồng Nai	Công ty TNHH CHENG FU	2025
120.	Viện dưỡng lão	Xã Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	Ông. Trần Hoàng Long	2025
121.	Xây dựng mới nhà chỉ huy tiểu đoàn, cải tạo nhà ở bộ đội, nhà ăn khu thao trường huấn luyện tổng hợp Binh chủng Công binh khu vực phía Nam	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	Binh chủng Công binh	2025
122.	Nhà xưởng công ty TNHH HOWELL TECHNOLOGY (Việt Nam)	Số 18, Đs. 5, KCN Việt Nam - Singapore III, P. Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH HOWELL TECHNOLOGY (Việt Nam)	2025
123.	Khu đô thị mới An Phú	Phường An Phú, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản PG	2025
124.	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thiện Thuật	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực Dĩ An	2025
125.	Nhà xưởng sản xuất	Đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B, Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Nam Đô	2025
126.	Nhà máy công ty TNHH BK VINA	Lô A_5C_CN, KCN Mỹ Phước 3, P. Chánh Phú Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH BK VINA	2025
127.	Nhà máy sản xuất công ty TNHH ALPHA BRAVW	Lô A_1A4_CN, KCN Bàu Bàng, P. Chơn Thành, T. Đồng Nai	Công ty TNHH ALPHA BRAVW	2025

DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

128.	Dự án số 2, nhà xưởng, văn phòng và kho bãi cho thuê	Lô A-1C6-CN, KCN Bàu Bàng, Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	Công ty Cổ phần Đất Cảng E&C	2025
129.	Nhà xưởng công ty TNHH Chế tạo Chính xác Bàu Bàng Việt Nam	Lô A_1A3_CN, KCN Bàu Bàng, Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Chế tạo Chính xác Bàu Bàng Việt Nam	2025
130.	Nhà máy công ty TNHH AOCHI	Lô B2-E, Đường D1B, KCN BECAMEX - Bình Phước, P. Chơn Thành, T. Đồng Nai	Công ty TNHH AOCHI	2025
131.	Công ty TNHH Sản phẩm Thể thao Cheng Da	Lô C27A, Lô C27B - CCN Gia Thuận 1, Xã Gia Thuận, Tỉnh Đồng Tháp	Công ty TNHH Sản phẩm Thể thao Cheng Da	2025
132.	Cải tạo và nâng cấp hệ thống trạm xử lý nước thải cho công ty TNHH Crystal Elegance Textiles Việt Nam	Khu sản xuất Bình Chuẩn, P. Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Crystal Elegance Textiles Việt Nam	2025

CẢM ƠN

**Chân thành cảm ơn Bạn
đã dành thời gian quý báu
để xem Profile của CÔNG
TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Hy vọng rằng sẽ có cơ hội cộng tác
với Bạn. Chúng tôi trân trọng từng
dự án và sẽ làm hết sức mình để
hoàn thành tốt nhất.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ:

 Số 29, Đường số 2, Khu TĐC Phú Hòa 11, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

 0918 556 729 - 0913 811 864

 kiemdinhxaydungbinhduong@gmail.com

